

Số 04-2013 (82)

Khoa học & Công nghệ

LÂM ĐỒNG

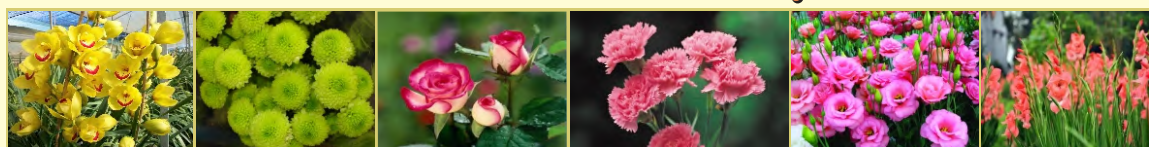
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

Chào mừng

120 năm Đà Lạt hình thành phát triển



Festival Hoa Đà Lạt 2013





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

★
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

TRUNG TÂM TIN HỌC & THÔNG TIN KHCN

Địa chỉ:

Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt

Điện thoại: 063. 3833163

Email: khcnlamdong@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Tổng biên tập:

PGS.TS. Lê Xuân Thám

Biên tập:

TS. Phạm S

PGS.TS. Nguyễn Mộng Sinh

PGS.TS. Dương Tấn Nhật

PGS.TS. Đào Xuân Vinh

TS. Nguyễn Mậu Tuấn

ThS. Nguyễn Thanh Bình

ThS. Nguyễn Văn Hương

KS. Ngô Đình Văn Châu

CN. Lê Văn Công

Thư ký:

Huỳnh Thanh Mai

Nguyễn Thanh Nhân

Trình bày:

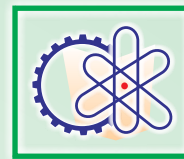
Ngô Huy Đông

Nguyễn Hồng Ngọc

Ảnh bìa: Văn Báo

Một góc thành phố Đà Lạt

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG



TRONG SỐ NÀY

Chào mừng Đà Lạt - 120 năm hình thành và phát triển

- 1 **Nguyễn Hữu Tâm** - Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050
- 3 **Nguyễn Văn Lập** - Giữ gìn và phát huy bản sắc trong xây dựng và phát triển thành phố Đà Lạt
- 6 **Nguyễn Văn Hương** - Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa trong xây dựng hình ảnh con người và thành phố Đà Lạt
- 8 **Nguyễn Thị Nguyên** - Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc bản địa tỉnh Lâm Đồng
- 11 **Nguyễn Đình Thiện** - Hoa Đà Lạt và việc xác lập bản quyền
- 14 **Nguyễn Văn Tới** - Hoa Lan Đà Lạt - Lâm Đồng, bước khởi đầu mới
- 16 **Nguyễn Đình Sơn** - Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Rừng Hoa Đà Lạt: Nâng cao giá trị sản phẩm hoa Đà Lạt
- 18 **Nguyễn Mộng Sinh** - Về một cách nhìn nhận đối với việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Lâm Đồng

Hỗ trợ Doanh nghiệp

- 20 **Trần Minh Châu** - Doanh nghiệp Lâm Đồng liên kết, hội nhập và phát triển
- 21 Danh mục các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ năm 2013

Hoạt động Khoa học và Công nghệ

- 22 **Trần Quế, Phạm Văn Duy, Nguyễn Công Vân, Lê Kim Hùng, Huỳnh Kỳ Hạnh, Lê Tiến Thắng, Lê Xuân Thám** - Nghiên cứu giám định các thể lai giữa bò nhà và bò tót ở Vườn Quốc gia Phước Bình - Vùng rừng giáp ranh Lâm Đồng - Ninh Thuận - Khánh Hòa
- 26 Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng năm 2014
- 28 Tin hoạt động Khoa học và Công nghệ quý IV

Khoa học và Đời sống

- 30 **Hương Tràm** - Đà Lạt - Những con đường, ấp cũ, phố xưa
- 32 **Nguyễn Hữu Tranh** - Nơi nghỉ dưỡng trên cao nguyên Lang Biang

Giấy phép xuất bản số 08/GPXB-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Lâm Đồng cấp ngày 09.4.2013

Sắp chữ tại Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng. In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt. Số lượng: 700 bản. Khổ 19x27 cm. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12.2013

QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

NGUYỄN HỮU TÂM

Giám đốc Sở Xây dựng

Trước “cột mốc” 120 năm hình thành và phát triển, Đà Lạt có thêm cơ hội lớn khi đề án quy hoạch chung mở rộng thành phố đến năm 2030 và tầm nhìn năm 2050 được phê duyệt, nâng tầm thành phố và “định khung” vóc dáng cho trăm năm sau.

Tìm kiếm mô hình phát triển đô thị Đà Lạt hiện đại và giàu bản sắc, đề ra cơ chế đặc thù là định hướng mà đề án quy hoạch chung thành phố Đà Lạt đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 nhắm đến.

Trải qua 120 năm tuổi, thành phố Đà Lạt ngày càng trưởng thành và phát triển về nhiều mặt kinh tế - xã hội, đặc biệt là du lịch. Thành phố đã và đang thu hút ngày càng nhiều du khách đến chiêm ngưỡng và tận hưởng vẻ đẹp rất châu Âu ngay giữa lòng châu Á - Việt Nam.

Đà Lạt - ngay từ đầu là một minh chứng đúng đắn về định hướng quy hoạch đô thị thuở sơ khai. Với vị trí địa lý và lịch sử hình thành rất đặc biệt, thành phố Đà Lạt đã trở thành một trong những đô thị nổi tiếng trong hệ thống đô thị cả nước. Cho nên dù là một thành phố tỉnh lỵ (đô thị loại III, loại II và nay là loại I trực thuộc tỉnh Lâm Đồng) nhưng đều được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quy hoạch chung thành phố (theo Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 27/10/1994 về Quy hoạch tổng thể thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2010; Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng và vùng phụ cận đến năm 2020), thống nhất chỉ đạo từ trung ương đến địa phương về tính “kế thừa các đề án quy hoạch có giá trị từ thời Pháp”.

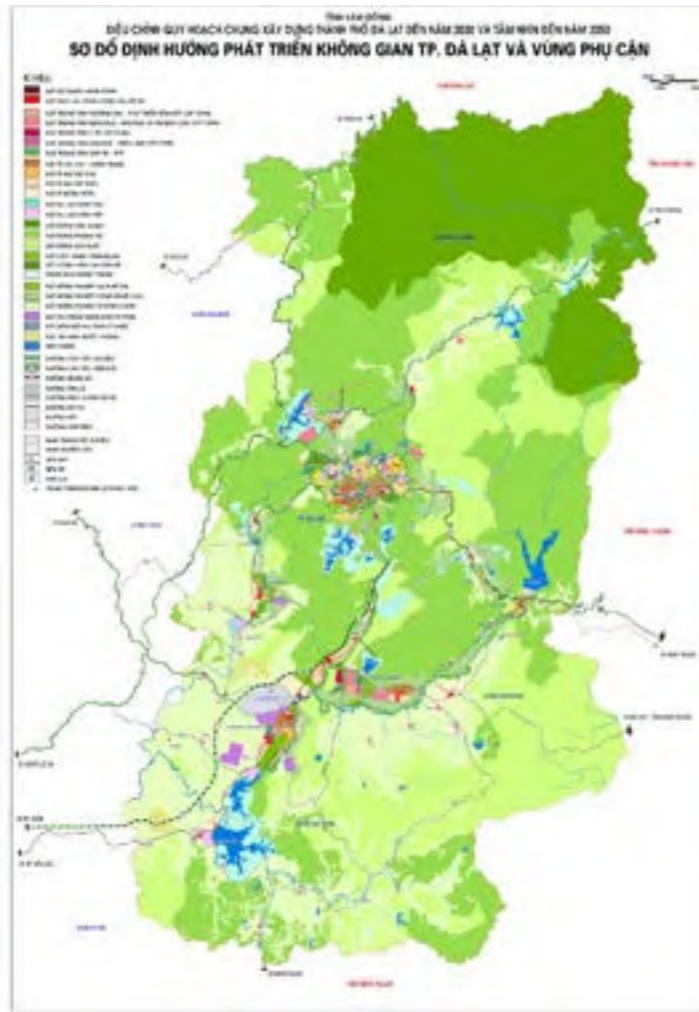
Kể từ khi bác sĩ Alexandre Yersin khám phá ra cao nguyên Lang Biang đến những bản quy hoạch đầu tiên cho thành phố Đà Lạt đều có công sức không nhỏ của các kiến trúc sư người Pháp, có lẽ vì thế mà Đà Lạt được mệnh danh là “Paris thu nhỏ”.

Thành phố Đà Lạt ngày ấy vừa mang dáng vẻ đặc thù của một thành phố cao nguyên lại vừa

đậm chất văn hóa kiến trúc Pháp. Duy trì ý tưởng này cho *Đề án Điều chỉnh quy hoạch thành phố Đà Lạt đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050*, UBND tỉnh Lâm Đồng đã giao Sở Xây dựng làm chủ đầu tư “đặt hàng” chuyên gia tư vấn Pháp lập ý tưởng quy hoạch chung thành phố Đà Lạt đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Đây là một chủ trương đúng đắn và kịp thời, phù hợp với khả năng tài chính còn nhiều khó khăn của tỉnh và nguyện vọng của nhân dân.

Trên cơ sở tìm hiểu, khai thác và phát huy nhiều bài học quý từ ý tưởng của các bản đề án quy hoạch Đà Lạt xưa, các kiến trúc sư Pháp đã vận dụng phù hợp vào đề án quy hoạch chung thành phố Đà Lạt tương lai với phương pháp tư duy hoàn toàn có cơ sở lý luận khoa học và có sức thuyết phục cao. Tuy nhiên, vẫn có một khoảng cách và sự khác biệt nhất định giữa ý tưởng quy hoạch và điều kiện thực tế, cơ chế, chính sách trong quản lý, điều hành, nhất là trong việc khai thác, huy động, thu hút các nguồn lực tài chính phù hợp với tính đặc thù của địa phương, mới có thể biến đề án trở thành hiện thực. Qua những cuộc hội thảo góp ý với sự tham gia của lãnh đạo địa phương, Hội Kiến trúc sư tỉnh, các chuyên gia đầu ngành,... các kiến trúc sư Pháp đã chọn lọc và điều chỉnh đề án phù hợp, hài hòa giữa khoa học và thực tiễn. Đề án hiện nay đang được Phân viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn miền Nam chỉnh sửa, hoàn thiện phù hợp với điều kiện đặc thù của thành phố cao nguyên và dự kiến chính thức công bố vào Festival Hoa Đà Lạt 2013.





Sơ đồ định hướng phát triển không gian thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

Thành phố Đà Lạt trong tương lai

Hướng đến mục tiêu là thành phố trực thuộc Trung ương, Đà Lạt sau khi được phê duyệt có diện tích 3.308 km², gồm khu vực trung tâm thành phố Đà Lạt hiện hữu và các đô thị vệ tinh (huyện Đức Trọng, Đơn Dương, Lạc Dương và khu vực thị trấn Nam Ban, xã Mê Linh, Đông Thanh, Gia Lâm, Nam Hà - huyện Lâm Hà), với cao độ tự nhiên từ 850 m trở lên.

Mục tiêu cụ thể của Đồ án nhằm xây dựng và phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 thành vùng đô thị hiện đại, đặc thù về khí hậu, cảnh quan tự nhiên, văn hóa lịch sử và di sản kiến trúc tầm quốc gia và có ý nghĩa quốc tế; phát triển hướng tới vùng đô thị cấp quốc gia trực thuộc Trung ương. Thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận trong tương lai sẽ phát triển theo mô hình chuỗi các đô thị liên kết theo tuyến vành đai và xuyên tâm; kết nối với các vùng du lịch sinh thái, cảnh quan rừng, cảnh quan nông nghiệp; phát triển bền vững gắn với bảo tồn và phát huy tính đặc thù về tự nhiên và văn hóa - lịch sử.

Với quy mô phát triển của thành phố Đà Lạt trong tương lai, người dân địa phương có quyền tin tưởng về một đô thị hiện đại với nền kinh tế phát triển vượt bậc nhờ hệ thống liên kết chuỗi đô thị, hệ thống giao thông phát triển thông thương quốc gia và quốc tế. Hướng tới một đô thị có bản sắc, thân thiện với môi trường, các kiến trúc sư đã thiết kế những mô hình công viên vườn độc đáo dựa trên cơ sở đất nông nghiệp hiện có, hứa hẹn mang đến một môi trường sống xanh, sạch, đẹp, trở thành sản phẩm du lịch mang lại thu nhập cho người dân địa phương.

Sau khi Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ phê duyệt, ngoài yếu tố nội lực của tỉnh Lâm Đồng nói chung và thành phố Đà Lạt nói riêng, rất cần sự hỗ trợ của Trung ương, từ các chủ trương mang tầm quốc gia đến các chính sách đặc thù cho sự phát triển của thành phố. Hy vọng rằng trong một tương lai không xa, Đà Lạt sẽ trở thành đô thị hiện đại, thân thiện với môi trường.■

GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

KTS. NGUYỄN VĂN LẬP

Chủ tịch Hội Kiến trúc sư tỉnh Lâm Đồng

Nét đặc trưng về môi trường cảnh quan thiên nhiên

Đà Lạt - thành phố trẻ với tuổi đời 120 năm (1893-2013), là một minh chứng cụ thể, sinh động về nghệ thuật quy hoạch đô thị và kiến trúc. Mặc dù có quy mô không lớn, song do được đầu tư xây dựng theo một quan niệm quy hoạch hiện đại và hoàn chỉnh ngay từ ban đầu, chính vì thế, Đà Lạt vẫn được đánh giá cao bên cạnh những đô thị lớn có bề dày lịch sử phát triển của Việt Nam. Đến nay, những công trình kiến trúc đặc sắc vẫn tồn tại trong cảnh quan đô thị Đà Lạt, có giá trị như là một di sản.

Môi trường thiên nhiên của Đà Lạt vốn là một vùng cảnh quan tự nhiên miền núi độc đáo với khí hậu mát mẻ quanh năm, tạo nét đặc thù so với toàn vùng Đông Nam Á. Vì vậy, người Pháp đã có ý tưởng xây dựng Đà Lạt thành nơi nghỉ dưỡng cho công chức Pháp tại Đông Dương, là *Paris của Phương đông* hoặc *Paris thu nhỏ*. Về mặt kiến trúc, Đà Lạt được xây dựng theo phong cách châu Âu từ đầu thế kỷ XX, hình thành từ sự hội tụ nền kiến trúc của các địa phương nước Pháp.

Thật vậy, ngày nay tại Pháp cũng hiếm thấy các công trình ảnh hưởng theo phong cách này, đôi khi chúng cũng không còn nguyên vẹn. Mặt khác, nếu muốn tìm hiểu thực tế hình mẫu kiến trúc thời ấy, người ta phải đi khắp nước Pháp mới thấy hết nét đặc trưng kiến trúc từng vùng của Pháp, nhưng khi đến Việt Nam, chỉ cần ghé

Đà Lạt là cũng có thể diện kiến những hình mẫu kiến trúc mang đậm phong cách Pháp lúc bấy giờ.

Thành phố Đà Lạt chất chứa những di sản kiến trúc giá trị, những công trình kiến tạo có ý tứ, khéo léo hòa nhập vào khung cảnh tự nhiên, tạo cảnh quan đô thị đa dạng và phong phú, như một bông hoa kiến trúc mọc lên từ đất, mang dáng vẻ rất riêng biệt.

Quy hoạch thành phố Đà Lạt qua các thời kỳ - những ý tưởng cơ bản

Việc quy hoạch thành phố Đà Lạt có quan hệ mật thiết với từng giai đoạn lịch sử phát triển của thành phố.

Phác thảo đầu tiên: năm 1906, ông Champoudry - thị trưởng Đà Lạt đã thiết lập họa đồ quy hoạch và phân lô cho thành phố Đà Lạt trong tương lai. Đây là phác thảo sơ bộ, như là một bản phân khu chức năng, tạo điều kiện hình thành hồ Xuân Hương và khu vực xung quanh.

Đồ án quy hoạch Hébrard (1923): ghi dấu Đà Lạt là một thành phố vườn với hệ thống chuỗi hồ trên dòng suối Cam Ly. Ý tưởng chính xuyên suốt của đồ án là tổ chức một *"Thành phố trong cây cỏ và cỏ cây trong thành phố"*.

Đồ án quy hoạch Pineau (1933): ý tưởng chính là mở rộng hồ nước trung tâm và công viên, tạo *"tầm nhìn toàn cảnh cao nguyên với cảnh quan tuyệt vời"* với việc thành lập một vùng bất kiến tạo rộng lớn hình rẽ quạt có gốc từ Đà Lạt hướng về núi Lang Biang.



Quy hoạch Tp. Đà Lạt năm 1923



Quy hoạch Tp. Đà Lạt hiện nay

Đồ án quy hoạch Mondet (1940): là một “*tiền dự án chính trang và phát triển thành phố Đà Lạt*”, xóa bỏ những hạn chế phát triển thành phố theo chiều dài từ Đông sang Tây, mở rộng về phía Bắc và Nam, tạo nhiều khoảng không và cây xanh.

Đồ án quy hoạch Lagisquet (1943): hình thành các khu gia cư người Việt, bố trí các công trình đánh dấu đặc tính riêng của Đà Lạt như trạm nghỉ mát trên cao, thành phố trường học, trung tâm tuyển chọn huấn luyện thanh niên, trung tâm văn hóa tinh thần,...

Năm 1977 và 1985, Đoàn quy hoạch Bộ Xây dựng được Trung ương cử vào để thiết lập quy hoạch cho thành phố Đà Lạt, gọi là “*Sơ phác quy hoạch chung và luận chứng kinh tế kỹ thuật quy hoạch và cải tạo thành phố Đà Lạt*”, nhưng chưa được phê duyệt.

Đồ án quy hoạch 620: quy hoạch tổng thể Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2010 do Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - Bộ Xây dựng thực hiện. Đồ án đưa ra ý tưởng “*bàn tay xòe*” với 5 hướng phát triển chính, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 27/10/1994.

Đà Lạt được công nhận là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Lâm Đồng (theo Quyết định số 158/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

Đồ án quy hoạch 409: với ý tưởng “*cành, nhánh*”, các khu dân cư nhỏ được phát triển từ các trục chính phù hợp với địa hình dốc, bảo đảm cây xanh xen lẫn các khu dân cư.

Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng và vùng phụ cận đến năm 2020 (theo Quyết định số 409/QĐ-TTg) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đà Lạt được công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Lâm Đồng (theo Quyết định số 373/QĐ-TTg) của Thủ tướng Chính phủ.

Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2020 (theo Quyết định số 443/QĐ-UBND) được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.

Nhìn chung, Đà Lạt là thành phố duy nhất trong hệ thống đô thị cả nước được quy hoạch ngay từ ban đầu. Với hệ thống xương sống của thành phố là những chuỗi hồ dọc theo các thung lũng, hướng về khu trung tâm hồ Xuân Hương; các thành phần khác nằm trên các sườn đồi, hướng về mặt nước của chuỗi hồ - tầm nhìn chính của toàn thành phố hướng về núi Lang Biang không bị cản trở.

Nhận diện kiến trúc Đà Lạt từ ngày thành lập cho đến nay

Giá trị đặc trưng nhất của kiến trúc Đà Lạt không chỉ ở những ngôi biệt thự mà chính là diện mạo kiến trúc của thành phố, được hình thành từ cách đây gần trăm năm và liên tục được kế thừa, phát triển theo từng thời kỳ lịch sử, dựa trên những yếu tố thiên nhiên như địa hình đồi núi, thung lũng, rừng cây, mặt nước,...

Một nền kiến trúc lành mạnh, đặc thù cho Đà Lạt không nhất thiết phải mang một nhãn hiệu nào, hay vay mượn một số chi tiết, hình thức kiến trúc của ngày hôm qua. Nó thực sự chỉ cần dựa trên những nguyên lý cơ bản về kiến trúc đã đúc kết và được mọi người thừa nhận.

Chúng ta hay quan tâm đến hình thức bên ngoài của công trình kiến trúc Pháp và lấy đó làm chuẩn mực cho kiến trúc Đà Lạt. Vấn đề này cần phải được nhìn nhận một cách phù hợp, không nên mặc nhiên cho rằng “*kiến trúc Pháp*” là mô hình duy nhất của Đà Lạt, nhất là khi chúng ta vẫn chưa phân biệt được “*kiến trúc Pháp*” tại Đà Lạt là kiến trúc ở thời đại nào, có còn phù hợp không?...

Chúng ta thường nghe việc “*phố hóa*”, “*bê tông hóa*” tràn lan, làm xấu diện mạo của đô thị Đà Lạt. Đây là những cụm từ chưa phản ánh được thực tế cuộc sống người dân đô thị nhưng hiện vẫn chưa có nghiên cứu nào để có thể thay thế, trong khi việc “*phố hóa*”, “*bê tông hóa*” chính là nhu cầu bức thiết của người dân - những chủ nhân thực sự của đô thị Đà Lạt.

Một đặc điểm của kiến trúc cảnh quan Đà Lạt là phần sân vườn. Đa số biệt thự đều được thiết kế tương đối nhỏ so với diện tích sân vườn xung quanh; bên cạnh đó là các yếu tố như cổng, hàng rào, những lối đi quanh co từ cổng vào nhà,... tạo nên cảnh quan kiến trúc của thành phố. Tuy nhiên, hiện nay các yếu tố này vẫn chưa được quan tâm đúng mức, cơ quan cấp phép chỉ quản lý chủ yếu phần công trình, các phần khác do chủ nhà quyết định.

Khẳng định tính di sản của kiến trúc, cảnh quan Đà Lạt

Qua đánh giá một số xu hướng và công trình kiến trúc, cảnh quan nêu trên, có thể nhìn nhận vấn đề di sản của thành phố Đà Lạt thể hiện qua 3 khía cạnh:

Về *cảnh quan*, bên cạnh yếu tố khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm, thiên nhiên đã ưu đãi cho Đà Lạt cảnh quan phong phú với những thắng cảnh đẹp giữa rừng thông và muôn loài hoa rực rỡ, tạo cho Đà Lạt sức thu hút lạ kỳ, như

một bức tranh đẹp huyền ảo làm say đắm lòng người. Bên cạnh đó là những cảnh quan được sự chăm sóc, tôn tạo của con người như hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, hồ Tuyền Lâm, Thung lũng Tình yêu, các rừng thông trồng mới,... trong đó 4 cảnh quan được công nhận là di tích thắng cảnh cấp quốc gia đã khẳng định thêm tính di sản quý giá của cảnh quan Đà Lạt.

Về *kiến trúc*, Đà Lạt có 3 công trình được công nhận là di tích kiến trúc cấp quốc gia. Bên cạnh đó là hàng ngàn biệt thự, cụm biệt thự mang đậm phong cách châu Âu được xây dựng cách đây trên 80 năm; những công trình công cộng độc đáo, tiêu biểu cho nhiều trường phái kiến trúc từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây đã minh chứng cho tính di sản của kiến trúc Đà Lạt, đặc biệt là các kiến trúc đó luôn gắn liền với cảnh quan.

Về *tổng thể*, các thế hệ người Đà Lạt qua nhiều thời kỳ luôn ý thức giữ gìn và phát huy giá trị tự nhiên và nhân văn của thành phố Đà Lạt. Bên cạnh một số ít biểu hiện thiếu trật tự kỷ cương nhưng với sự quyết tâm và lòng yêu mến thành phố, chúng ta có thể điều chỉnh, bổ sung và phát triển để xây dựng một đô thị di sản về cảnh quan, kiến trúc từ những yếu tố cơ bản nêu trên.

Một số đề xuất - kiến nghị

Về chính sách bảo tồn di tích kiến trúc

Vận động thành lập tổ chức phi lợi nhuận bảo tồn quỹ di sản cảnh quan, kiến trúc của thành phố Đà Lạt nhằm thực hiện các mục tiêu: bảo tồn và tôn tạo các di tích danh lam thắng cảnh, kiến trúc hiện có; phát triển các hoạt động kinh tế liên quan đến di tích; nghiên cứu và định hướng phát triển mới đối với những giá trị đặc trưng và tài nguyên kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên của thành phố; hợp tác, tiếp nhận các nguồn vốn trong nước và quốc tế về công tác bảo tồn, phát triển quỹ kiến trúc cổ; tuyên truyền, giáo dục cộng đồng nâng cao ý thức bảo tồn di tích,...

Về công tác quản lý nhà nước đối với di tích kiến trúc

Công tác quản lý nhà nước về kiến trúc hiện chỉ tập trung ở khâu quản lý nhà (cả cấp tỉnh và cấp thành phố). Để bảo tồn và phát triển kiến trúc cổ, cũng như các di tích thắng cảnh, cần có cơ quan chuyên trách quản lý, phát triển di tích danh lam thắng cảnh, kiến trúc; điều tra khảo sát, xây dựng dữ liệu GIS về các công trình kiến trúc cổ; nghiên cứu, đề xuất các chính sách và xây dựng bộ tiêu chí bảo tồn di tích,...

Một số vấn đề khác

- Công khai và minh bạch công tác quản lý, chi tiết các đồ án, dự án quy hoạch, công trình



Biệt thự số 20 - đường Trần Hưng Đạo

dân dụng cũng như tên kiến trúc sư thiết kế, cơ quan thẩm định, phê duyệt làm cơ sở cho việc kiểm soát quá trình xây dựng theo đúng quy định pháp luật. Qua đó nhắc nhở các kiến trúc sư, cơ quan thẩm định cẩn trọng hơn khi đề xuất công trình, dự án.

- Chú trọng vấn đề xử lý địa hình và cây xanh đô thị trong khi lập quy hoạch - đây là điều kiện tiên quyết để tạo diện mạo cho đô thị Đà Lạt xứng với tên gọi “*Thành phố trong rừng, rừng trong thành phố*”.

- Cần có nghiên cứu sâu về mặt kiến trúc, cảnh quan và môi trường đối với hệ thống nhà kính, nhà màng nilon phục vụ phát triển nông nghiệp đang phát triển phổ biến hiện nay ở Đà Lạt.

- Cần có chính sách phù hợp khi giao đất xây dựng: chỉ thu phí phần xây dựng công trình và giao thông, phần cây xanh vẫn là đất công cộng. Người được giao phải có trách nhiệm trồng, chăm sóc và tôn tạo cảnh quan.

- Cần có quy định để bảo tồn, giữ gìn những tinh hoa của kiến trúc cũ tại Đà Lạt, đồng thời phải định hướng cho ý tưởng mới phát triển và có phần hồn riêng, kể cả các công trình cao tầng đang có xu hướng phát triển mạnh ở Đà Lạt, nhất là tại khu vực trung tâm thành phố.

- Cần có nghiên cứu cụ thể về dạng phố liên kế - một dạng kiến trúc rất phổ biến hiện nay. Thông qua nghiên cứu để hướng người dân lựa chọn kiểu kiến trúc hài hòa, phù hợp với cảnh quan.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội Kiến trúc sư Lâm Đồng, “*Giữ gìn và phát huy bản sắc trong hiện đại hóa và phát triển thành phố Đà Lạt*”, 7/2002.
2. Hội Kiến trúc sư Việt Nam, “*Giữ gìn và phát huy bản sắc trong hiện đại hóa và phát triển các đô thị Việt Nam*”, Hà Nội, 2003.
3. Tài liệu “*Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2020*”.

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC DI SẢN VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG HÌNH ẢNH CON NGƯỜI VÀ THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

ThS. NGUYỄN VĂN HƯƠNG

Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trong xây dựng hình ảnh con người Đà Lạt

Từ trước đến nay, khi nói đến Đà Lạt, người ta thường luận bàn về khí hậu, thắng cảnh, kiến trúc,... nhưng ít ai để ý đến “*cái gạch nối*” giữa những giá trị ấy và con người Đà Lạt. Con người Đà Lạt gắn bó với môi trường sống dễ chịu, nhận và tạo cho riêng mình một cung cách ứng xử, tập tính sinh hoạt, giao tiếp,...

Chuyến mình mạnh mẽ trong giai đoạn 1990-2000, cộng với ưu thế về tự nhiên đã khiến Đà Lạt trở thành điểm đến quen thuộc của du khách khắp vùng, miền trong cả nước. Mối quan hệ giữa những giá trị vật thể và phi vật thể trở thành một vấn đề trong công tác bảo tồn và phát triển. Bên cạnh những tác động nội tại của môi trường văn hóa - xã hội, con người và thiên nhiên Đà Lạt đang chịu những tác động lớn từ hoạt động du lịch. Chú trọng khai thác những tiềm năng về mặt sinh thái tự nhiên mà không quan tâm đến những lợi thế về mặt sinh thái nhân văn sẽ khó có thể kiểm soát, định hướng được sự phát triển bền vững của Đà Lạt trong tương lai.

Trong nghiên cứu nhân văn, sinh thái tự nhiên là một thành phần quan trọng của tương quan hữu cơ với sinh thái nhân văn. Kết quả của quan hệ có tính tương tác này là các giá trị văn hóa của cộng đồng dân tộc. Một trong những thuộc tính cơ bản của một địa danh bao giờ cũng gồm 2 yếu tố cộng hưởng: (1) Đặc điểm nổi bật, đặc trưng về sinh thái tự nhiên; (2) Đặc điểm nổi bật, đặc trưng về sinh thái nhân văn (của cộng đồng dân tộc trên vùng, lãnh thổ đó).

Mức độ tồn tại của nhiều giá trị văn hóa vật thể ở Đà Lạt hiện nay cho thấy khía cạnh giá trị phi vật thể chưa được quan tâm đúng mức, hoặc quan tâm không đồng bộ. Những nguyên tắc cơ bản để xây dựng quy hoạch phát triển du lịch là bảo vệ, phát triển tài nguyên du lịch và môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc chưa thấm sâu vào đời sống xã hội.



Biểu diễn công chiêng ở Khu du lịch Đồi Mộng Mơ, thành phố Đà Lạt

Về nguyên tắc, tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn, tương đồng nhất định đối với các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Như vậy, nội dung “*giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc*” được nhấn mạnh nhằm tạo ra các sản phẩm, loại hình du lịch và môi trường du lịch có tính đặc trưng bền vững.

Trước sức ép ngày càng tăng của cuộc sống hiện đại, phương thức sống, nhận thức và tư duy thẩm mỹ của đại bộ phận cư dân Đà Lạt, nhất là thế hệ trẻ ngày nay đã có nhiều thay đổi. Do đó, giữ gìn di sản văn hóa - bao gồm các giá trị vật thể và phi vật thể đòi hỏi phải có những phương thức và bước đi phù hợp; nhất là đối với khu vực thành phố Đà Lạt, nơi luôn có sự đan cài, tác động của nhiều cộng đồng dân cư địa phương khác nhau. Nhận thức về giá trị văn hóa không chỉ dừng lại ở việc hình thành các thiết chế, các hoạt động văn hóa, thể thao, các sản phẩm, loại hình du lịch dựa trên cơ sở về hiện trạng của các môi trường văn hóa - xã hội mà còn phải được nhìn nhận từ góc độ chủ thể: sự tham gia của các cộng đồng dân cư địa phương ở Đà Lạt.

Khai thác các giá trị đặc sắc về văn hóa Đà Lạt để phát triển du lịch

Một vấn đề vừa có tính khoa học, vừa có tính thời sự là làm sao khai thác các giá trị đặc sắc về

văn hóa Đà Lạt để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói chung, đặc biệt là phát triển du lịch nói riêng. Đối với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cần tư duy lại một số vấn đề sau:

Thứ nhất, nhận thức về sản phẩm du lịch, loại hình du lịch: theo Luật Du lịch Việt Nam (năm 2005), sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch trong chuyến đi du lịch. Đây cũng là cách hiểu chung của nhiều tài liệu về du lịch hiện nay, một cách hiểu thiên về khía cạnh kinh tế của vấn đề. Xem xét sản phẩm, loại hình du lịch từ góc độ cấu trúc, chức năng để có cách hiểu toàn diện hơn:

+ Thực chất sản phẩm du lịch là các giá trị văn hóa được tổ chức, sắp xếp, trình diễn để phục vụ khách tham quan, thưởng ngoạn. Các giá trị văn hóa này có thể nhân tạo (tài nguyên du lịch nhân văn), hoặc thiên tạo (tài nguyên du lịch tự nhiên) và tự nhiên chỉ đẹp, chỉ có giá trị (cả vật chất và tinh thần) khi đặt trong quan hệ với con người.

+ Loại hình du lịch là tập hợp các loại sản phẩm du lịch nhằm thỏa mãn các nhu cầu, động cơ của du khách; đây là loại hình đặc biệt dựa vào mục đích và tính chất của hoạt động du lịch.

Sản phẩm du lịch có tính dịch vụ, thậm chí các hoạt động dịch vụ phát sinh những chức năng khi tham gia vào chuỗi cung - cầu du lịch. Nếu như không có hoạt động cung - cầu du lịch, các dịch vụ này vẫn có thể tồn tại bằng những phương thức khác, đáp ứng cho đối tượng khác nhưng bản chất vẫn là sự phục vụ cho một nhu cầu nào đó của con người.

Trên cơ sở bản chất của sản phẩm du lịch, việc định hướng quy hoạch phát triển du lịch sử dụng các yếu tố văn hóa bản địa, cũng như mối quan hệ giữa quy hoạch phát triển du lịch và văn hóa bản địa, một mặt đáp ứng được các nguyên tắc trong xây dựng quy hoạch phát triển du lịch, mặt khác phải sử dụng và huy động được sự tham gia của cộng đồng dân cư vào phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa của địa phương, tạo môi trường du lịch lành mạnh và phát triển bền vững.

Thứ hai, nhận thức về tổ chức không gian đô thị trong quy hoạch kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành: từ các vấn đề nêu trên và mục tiêu phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2020 theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 05/6/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng, vấn đề quy hoạch du lịch và thiết chế văn hóa thành phố Đà Lạt cần thực hiện 2 phương thức sau:



Mùa dã quỳ trên cao nguyên

+ Chọn lọc những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể phù hợp để đầu tư hình thành cơ sở vật chất về thiết chế văn hóa; phát triển sản phẩm, loại hình du lịch đặc trưng, giàu bản sắc trên cơ sở điều tra, phân loại, đánh giá được giá trị của các loại hình văn hóa của Đà Lạt. Mặt khác, thông qua hiện trạng giá trị của văn hóa (cả truyền thống và tiếp biến) sẽ là cơ sở để đánh giá nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của các hoạt động đối với chủ thể văn hóa và môi trường tự nhiên - xã hội.

+ Cộng đồng và cộng cảm: tạo sự đồng thuận, tham gia tự nguyện của cộng đồng chủ nhân văn hóa nhằm xây dựng một môi trường văn hóa ổn định; duy trì khả năng tái hiện, sáng tạo sản phẩm bằng các mô hình hoạt động văn hóa; làm mới sản phẩm du lịch thông qua các hoạt động văn hóa.

Hiện trạng về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa hiện nay ở Đà Lạt nói riêng và Lâm Đồng nói chung vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Sản phẩm du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng hiện vẫn dựa chủ yếu vào sự ưu đãi của sinh thái tự nhiên, trong khi sinh thái nhân văn, tài nguyên du lịch là các giá trị văn hóa bản địa chưa được chú trọng. Bên cạnh một số sinh hoạt văn hóa mang màu sắc bản địa tự phát, nhờ lễ hình thành dưới chân núi Lang Biang từ đầu thập niên 90 - thế kỷ XX, đến nay, định hướng về sản phẩm du lịch văn hóa, loại hình du lịch văn hóa vẫn còn để ngỏ.

Tầm vóc về thương hiệu du lịch, giá trị văn hóa của địa danh Đà Lạt rất cần có những định hướng cung - cầu bền vững dựa trên các giá trị đặc trưng về văn hóa, nhất là văn hóa bản địa, bao hàm cả văn hóa đã được tiếp biến; đây cũng đồng thời là phương thức làm gia tăng giá trị đặc trưng của thành phố, làm đẹp thêm hình ảnh con người và văn hóa Đà Lạt. ■

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA DÂN TỘC BẢN ĐỊA TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN THỊ NGUYỄN

Phó giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Lâm Đồng hiện có hơn 40 dân tộc anh em sinh sống, trong đó, cư dân thiểu số gốc Tây Nguyên chiếm khoảng 17% dân số với 3 tộc người bản địa là Mạ, Cơ Ho và Chu Ru; cư dân người Kinh chiếm trên 70% dân số. Mặc dù chiếm số lượng tương đối ít, nhưng ảnh hưởng của những yếu tố văn hóa đặc trưng của người dân bản địa vẫn rất rõ nét trong đời sống của cộng đồng dân cư nơi đây. Chính vì thế, vấn đề bảo tồn và phát huy những nét đặc thù này luôn được chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan chức năng quan tâm.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, Khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng đã đồng thời triển khai việc sưu tầm, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Qua 15 năm triển khai, Nghị quyết đã có sức lan tỏa sâu rộng, mạnh mẽ trong đời sống xã hội, hình thành nhiều phong trào văn hóa, thu hút đông đảo nhân dân trong tỉnh tham gia. Trong phong trào đó, công tác sưu tầm, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc bản địa tỉnh Lâm Đồng đã đạt được một số kết quả tích cực.

Sưu tầm di sản văn hóa các dân tộc bản địa

Thông qua các biện pháp nghiệp vụ chuyên ngành (ghi chép trên giấy, ghi chép bằng hình ảnh,...), cơ quan chức năng của tỉnh đã tìm kiếm, thu thập có hệ thống các loại hình di sản văn hóa của cư dân bản địa nhằm lưu giữ lâu dài các hình thái và đặc trưng của di sản, làm cơ sở đánh giá, phân tích giá trị của di sản.

Từ nguồn vốn “Chương trình mục tiêu quốc gia về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số”, ngành Văn hóa của tỉnh đã thực hiện nhiều dự án sưu tầm có giá trị như: Lễ hội *Lir boong* của người Cơ Ho Srê (năm 1999); Lễ hội *Nhò R'he* của người Mạ (năm 2000); Lễ hội *Pothi* của người Chu Ru (năm 2001); Lễ hội *Nhò Gùng mir* của người Mạ (năm 2004); Tổng điều tra, kiểm kê văn hóa công chiêng của người Mạ, Cơ Ho và Chu Ru (năm 2005); Sưu tầm âm nhạc dân gian Chu Ru (năm 2006); Sưu tầm âm nhạc dân gian Mạ (năm 2007); Sưu tầm âm nhạc dân gian Cơ Ho (năm 2008); Sưu tầm nghề thủ



Lễ hội Cồng chiêng Cát Tiên năm 2013

công truyền thống của người Cơ Ho, Mạ (năm 2010-2011); Kiểm kê di sản văn hóa công chiêng huyện Đạ Huoai (năm 2012).

Quá trình sưu tầm được thực hiện lồng ghép với việc giáo dục, nâng cao ý thức của cư dân bản địa về giá trị của di sản, góp phần bảo tồn, khôi phục một số lễ hội truyền thống của cộng đồng bản địa như: Lễ *Nhò wèr* (Uống kiêng cũ - cúng ruộng vào tháng 9-10 hàng năm của người Cơ Ho Srê ở Bảo Thuận, Đỉnh Lạc, Gung Ré, Liên Đầm - huyện Di Linh), Lễ *Pothi* (Lễ bỏ mả của người Chu Ru ở Pró, Lạc Xuân, Ka Đô - huyện Đơn Dương),...

Bảo tồn các loại hình di sản văn hóa bản địa

Trên cơ sở kết quả sưu tầm, cơ quan chức năng đã tiến hành phân loại, đánh giá giá trị của văn hóa truyền thống, làm cơ sở cho việc xác định các yếu tố và mức độ bảo tồn, khắc phục tình trạng bảo tồn thiếu chọn lọc. Với nguyên tắc: đảm bảo sự tồn tại, phát triển về lâu dài của các loại hình di sản vật thể và phi vật thể, các di

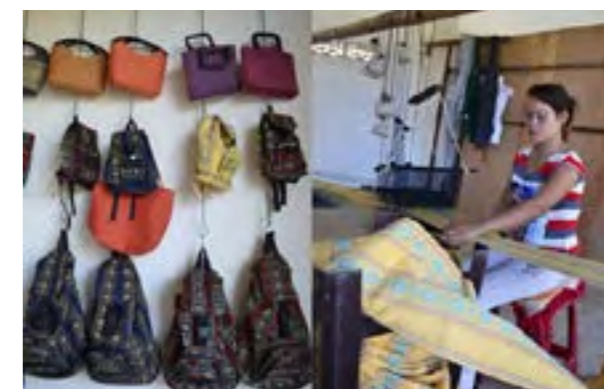
sản văn hóa dân tộc Mạ, Cơ Ho và Chu Ru của Lâm Đồng được lưu giữ một cách có chọn lọc và linh động (không cố gắng giữ lại tất cả những gì thuộc về quá khứ, hoặc bảo lưu một cách cứng nhắc những hình thái, thuộc tính giá trị của văn hóa truyền thống).

Hầu hết các loại hình di sản văn hóa của cư dân bản địa Lâm Đồng là kết quả của phương thức sinh hoạt kinh tế, hình thái và tổ chức xã hội truyền thống; tiếp biến theo hướng hiện đại hóa - hệ quả tất yếu của quá trình phát triển. Vì vậy, khả năng “tự điều chỉnh” là một trong những nguyên tắc nhằm bảo tồn di sản văn hóa, đảm bảo sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân và xã hội để di sản văn hóa Mạ, Cơ Ho và Chu Ru không ngừng được duy trì và phát triển phù hợp với thời đại. Nghề dệt vải truyền thống của người Cơ Ho là một minh chứng điển hình cho quá trình “tự điều chỉnh” để thích ứng. Khi trang phục truyền thống không còn được ưa chuộng và duy trì một cách phổ biến, chỉ được sử dụng trong một vài thủ tục hôn nhân, tang ma, lễ hội - những người thợ dệt Cơ Ho đã chuyển dần sang sản xuất hàng hóa bằng cách đa dạng hóa giá trị sử dụng của sản phẩm, thay đổi mẫu mã, cải tiến hoa văn, thay thế một số nguyên liệu truyền thống bị mai một trong tự nhiên nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường. Tuy nhiên, đây chỉ là những bước đi ban đầu, hiệu quả kinh tế chưa cao và thiếu bền vững. Thời gian tới, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch của tỉnh sẽ tiếp tục định hướng để những loại hình di sản đặc trưng này có cơ hội phát triển gắn với các sản phẩm du lịch, qua đó bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Mạ, Cơ Ho và Chu Ru một cách bền vững.

Phát huy các loại hình di sản văn hóa bản địa

Mục đích chính của hoạt động phát huy là tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để sử dụng di sản văn hóa cư dân bản địa. Việc phát huy di sản văn hóa Mạ, Cơ Ho và Chu Ru ở Lâm Đồng được triển khai bằng các biện pháp chuyên ngành và nhiều phương thức khác như: tổ chức hoạt động truyền dạy di sản; quảng bá, giới thiệu, xuất bản, tái hiện,... các loại hình văn hóa truyền thống; hướng dẫn nghiệp vụ về di sản văn hóa, tạo cơ hội cho những tinh hoa của di sản văn hóa cư dân bản địa duy trì, nảy nở.

Trong các loại hình di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên gốc Lâm Đồng, di sản văn hóa công chiêng được đặc biệt chú trọng. Hàng năm, tỉnh Lâm Đồng đã duy trì và tổ chức “Ngày hội văn hóa công chiêng các dân tộc”, góp phần tạo môi trường sinh hoạt văn hóa mới,



Dệt thổ cẩm ở thôn K'Long, Hiệp An, Đức Trọng

phát huy giá trị của di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi nhận là Di sản cấp quốc gia đặc biệt và Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại do UNESCO công nhận năm 2005.

Không gian văn hóa công chiêng của các dân tộc Mạ, Cơ Ho và Chu Ru ở Lâm Đồng với vai trò là một bộ phận hợp thành Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên đang đứng trước nguy cơ mai một lớn. Vì vậy, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã và đang thực hiện hiệu quả các Đề án Bảo tồn và phát huy không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên ở Lâm Đồng như tổ chức 20 lớp truyền dạy công chiêng từ năm 2010 đến nay tại các địa phương có đông người Mạ, Cơ Ho và Chu Ru sinh sống; trang bị trên 10 bộ chiêng truyền thống cho các thôn, buôn có khả năng duy trì và phát triển tốt văn hóa công chiêng; tổ chức 02 mô hình bảo tồn tại cơ sở theo hướng sử dụng âm nhạc công chiêng hình thành sản phẩm du lịch. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, ngành đã chú trọng triển khai hoạt động tôn vinh các nghệ nhân dân gian văn hóa công chiêng tiêu biểu của tỉnh (năm 2012 đã tôn vinh hơn 20 nghệ nhân).

Một số tồn tại và định hướng trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa

Hạn chế và khó khăn chung đối với công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc bản địa Lâm Đồng:

- Việc tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các di sản văn hóa chưa được thực hiện thường xuyên, do đó nhận thức xã hội, nhất là chủ nhân của di sản về công tác bảo tồn và phát huy chưa đầy đủ, đúng đắn. Việc sử dụng và ứng dụng di sản văn hóa vào các hoạt động kinh tế - xã hội như phát triển du lịch, dịch vụ, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”,... chưa được quan tâm đúng mức.

- Văn hóa công chiêng là một loại hình di sản dân gian có tính nguyên hợp với các loại hình di

sản văn hóa tộc người khác (kể cả di sản vật thể và di sản phi vật thể) như: kiến trúc, ẩm thực, nghề thủ công,... đang có sự thay đổi nhanh chóng; trong khi các điều kiện liên quan đến công tác bảo tồn còn nhiều tồn tại và bất cập.

- Đội ngũ cán bộ thực hiện công tác sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến di sản văn hóa mỏng, năng lực chuyên môn còn hạn chế, nhất là ở cơ sở - nơi di sản văn hóa từng ngày đang chịu sức ép lớn của quá trình hội nhập và phát triển. Nhiều nghệ nhân dân gian lớn tuổi lần lượt qua đời, trong khi giới trẻ hiện nay ít quan tâm đến văn hóa truyền thống; công tác truyền dạy thiếu tính hệ thống.

- Kinh phí đầu tư cho hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị di sản văn hóa còn hạn chế.

Để tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" tại tỉnh Lâm Đồng, trên cơ sở đảm bảo phát triển văn hóa làm nền tảng tinh thần xã hội, trong thời gian tới ngành chức năng cần quan tâm một số vấn đề sau:

- Tiếp tục sưu tầm, đánh giá phân loại giá trị các di sản; tiến hành quy hoạch, xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy và phát triển di sản gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc

phòng, an ninh của tỉnh; đặc biệt cần chú trọng phát huy giá trị di sản trong phát triển du lịch.

- Hàng năm, cần dành nguồn kinh phí thích đáng đầu tư cho các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của tỉnh. Đầu tư bảo tồn di sản văn hóa chính là giữ gìn và gia tăng các giá trị tiềm năng về tài nguyên du lịch, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch bền vững.

- Cần cụ thể hóa một số chế tài đối với hoạt động khai thác, sử dụng di sản văn hóa - kể cả di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc bản địa Lâm Đồng.

Di sản văn hóa của các dân tộc bản địa Lâm Đồng chỉ thực sự "sống" khi phát huy được giá trị, vai trò trong đời sống đương đại. Trong quá trình phát triển, những yếu tố lạc hậu, không phù hợp tất yếu bị đào thải; bên cạnh đó vẫn còn những yếu tố văn hóa truyền thống tích cực bị mai một do tác động của sự giao thoa các nền văn hóa. Để làm tốt công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc bản địa Lâm Đồng, trong giai đoạn 2015-2020, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch với vai trò là cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa rất cần sự phối hợp của các ngành, địa phương và toàn dân trong việc xây dựng và thực hiện các chiến lược bảo tồn. ■

17 DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2013

(Theo Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

- 3 di sản *Nghề dệt vải* (tành ùi) thuộc loại hình nghề thủ công truyền thống của dân tộc Cơ Ho nhóm Chil, Cơ Ho nhóm Cờ Dòn và Mạ.
- *Nghề đan lát* (tành sớ, thành sá) thuộc loại hình Nghề thủ công truyền thống của dân tộc Cơ Ho nhóm Srê.
- *Nghề làm gốm* (Kran - gò) loại hình Nghề thủ công truyền thống của dân tộc Chu Ru.
- *Nghề làm bạc* thuộc loại hình Nghề thủ công truyền thống của dân tộc Chu Ru.
- Lễ cúng (Nhô wèr) thuộc loại hình Lễ nghi nông nghiệp của dân tộc Cơ Ho nhóm Srê.
- Lễ *Bok chu bur* thuộc loại hình Lễ nghi cộng đồng của dân tộc Chu Ru.
- Lễ *Pothi* thuộc loại hình Lễ hội dân gian của dân tộc Cơ Ho.
- 3 di sản: *Yalyau - hát kể* (Blom kòn Yôi, Drò Dròi của dân tộc Cơ Ho), *Yalyau - hát kể* (Dùng Làng của dân tộc Cơ Ho) và *Yalyau - hát kể* (Mơng Dăm Yòng, Kồng Yai của dân tộc Mạ) đều thuộc loại hình Nghệ văn dân gian.
- 4 di sản: *N'ri n'ring*, *Pon đik* thuộc loại hình Tri thức dân gian của dân tộc Cơ Ho, Mạ.
- Di sản *Cing gòng* thuộc loại hình Nghệ thuật dân gian của 3 dân tộc Mạ, Cơ Ho, Chu Ru.

hoadalat VÀ VIỆC XÁC LẬP BẢN QUYỀN

ThS. NGUYỄN ĐÌNH THIÊN

Phòng Kinh tế Đà Lạt

Đà Lạt không những là thành phố du lịch nghỉ dưỡng nổi tiếng với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, khí hậu trong lành mát mẻ quanh năm mà còn được mệnh danh là xứ sở của các loài hoa. Với đặc điểm riêng biệt về khí hậu và thổ nhưỡng, hoa Đà Lạt có thể trồng quanh năm, với nhiều chủng loại phong phú như Hồng, Cúc, Đồng tiền, Glay-ơn, Lily, Lan,... rất được ưa chuộng tại thị trường trong nước và thế giới.

Nghề trồng hoa ở Đà Lạt đã được hình thành từ lâu, đem lại nguồn thu nhập đáng kể và giải quyết việc làm cho phần lớn lao động của địa phương. Diện tích trồng hoa các loại của cả tỉnh ước tính khoảng hơn 5.000 ha, tổng sản lượng khoảng 1,8 tỷ cành/năm. Doanh thu từ hoa tương đối cao và ổn định, đối với các loại hoa cao cấp hàng năm có thể đạt từ 800 triệu đến 1 tỷ đồng/ha. Thu nhập từ hoa trong những năm gần đây đã góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng chung nền kinh tế của thành phố và của tỉnh. Tuy nhiên, ngành sản xuất, kinh doanh hoa của Đà Lạt cũng còn những khó khăn như quy mô sản xuất hoa còn mang tính nhỏ lẻ; năng suất và chất lượng hoa không đồng đều,... ảnh hưởng rất lớn đến việc tiêu thụ.

Trước yêu cầu tìm đầu ra ổn định cho mặt hàng hoa, mở rộng thị trường xuất khẩu, hướng đến việc sản xuất bền vững, đồng thời cũng tránh những ảnh hưởng không nhỏ vì sự giả mạo, lạm dụng địa danh "Đà Lạt" của các loài hoa xuất xứ các vùng, miền khác đến sản phẩm hoa Đà Lạt,... chính quyền địa phương đã vào cuộc. Và từ đó, việc tạo lập nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) cho sản phẩm hoa của Đà Lạt được thực hiện, mở ra cơ hội mới cho hoạt động sản xuất và kinh doanh hoa mang địa danh Đà Lạt, khẳng định danh tiếng và chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Lạt nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung.

Từ việc xây dựng NHCN

Được mệnh danh là Hoa hậu của các loài hoa, Lan nhận được sự yêu mến của rất nhiều người. Nhờ khí hậu mát lành, Đà Lạt đã là nơi trồng hoa Lan nhiều nhất của cả nước. Hoa Lan Đà Lạt, đặc



Hoa Địa lan - loại hoa đặc trưng của Đà Lạt

biệt là Địa lan luôn là mặt hàng có giá trị thẩm mỹ và kinh tế, được thị trường tiêu thụ ưa chuộng. Theo thống kê chưa đầy đủ, Đà Lạt đang trồng kinh doanh hoa Địa lan với số lượng 500 ngàn chậu, đạt sản lượng khoảng 1 triệu cành/năm, tiêu thụ trên khắp các vùng, miền trong cả nước và một phần xuất khẩu. Ngoài những giống Lan truyền thống như: Tím hột, Vàng ba râu, Xanh thơm,..., trong những năm gần đây, nhiều giống Lan mới được nhập khẩu, làm phong phú thêm sản phẩm Địa lan Đà Lạt.

Với mong muốn giúp các doanh nghiệp, hộ nông dân trồng và kinh doanh hoa nâng cao nhận thức về giá trị tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển các tài sản trí tuệ, Ủy ban nhân dân

"Hoa Đà Lạt" được Cục Sở hữu trí tuệ cấp NHCN độc quyền trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam cho sản phẩm hoa Đà Lạt và vùng phụ cận (theo Quyết định số 51964/QĐ-SHTT ngày 14/12/2011 ban hành kèm Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 177080).

NHCN "Hoa Đà Lạt" được bảo hộ sẽ giúp cho các tổ chức, cá nhân trồng và kinh doanh hoa tại Đà Lạt và vùng phụ cận có điều kiện sản xuất, kinh doanh, phát triển ngành hoa của thành phố.

NHCN "Hoa Đà Lạt" do UBND tỉnh Lâm Đồng làm chủ sở hữu và UBND thành phố Đà Lạt là cơ quan quản lý, thẩm định và cấp quyền sử dụng cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của quy chế.

Các đơn vị, tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh hoa Đà Lạt được cấp quyền sử dụng NHCN "Hoa Đà Lạt" phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định:

- Sử dụng đúng và chính xác NHCN (gồm cả tên nhãn hiệu và hình ảnh logo).
- Chỉ sử dụng NHCN cho các loại sản phẩm đã được cơ quan quản lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Hoa Đà Lạt".
- NHCN được sử dụng kèm với nhãn hiệu chính thức của đơn vị; không sử dụng NHCN "Hoa Đà Lạt" làm nhãn hiệu chính cho sản phẩm.
- Không tự ý chuyển nhượng NHCN dưới bất kỳ hình thức nào.
- Chấp hành chế độ kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan quản lý NHCN về việc sử dụng nhãn hiệu của đơn vị.
- Thực hiện đầy đủ Quy định quản lý và sử dụng chứng nhận "Hoa Đà Lạt".

thành phố Đà Lạt đã triển khai thực hiện dự án *Tạo lập, quản lý và phát triển NHCN "Đà Lạt" cho sản phẩm hoa Địa lan của thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.*

Tiếp theo dự án, chính quyền địa phương đã mở rộng phát triển NHCN Hoa Đà Lạt cho 5 loài hoa đang được trồng phổ biến tại thành phố và có giá trị kinh tế cao là hoa Cúc, Hồng, Cẩm chướng, Cát tường và Glay-ôn.

Diện tích trồng các loài hoa này hiện nay tại Đà Lạt và các vùng phụ cận (Lạc Dương, Đức Trọng, Đơn Dương) là 3.200 ha, tổng sản lượng ước đạt trên 1,5 tỷ cành/năm (trong đó, Đà Lạt chiếm trên 50% về diện tích và gần 70% sản lượng hoa toàn tỉnh với mức tăng trưởng bình quân khoảng 20%/năm).

Với việc phát triển NHCN "Hoa Đà Lạt", chính quyền thành phố sẽ càng có điều kiện để đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng và đặc biệt hơn là đầu tư cho việc bảo quản hoa sau thu hoạch, tạo thêm nhiều sản phẩm về hoa (hoa khô, tranh hoa,...); từ đó góp phần nâng cao giá trị sản phẩm Hoa của địa phương. Đồng thời khẳng định vị thế của nghề trồng hoa của Đà Lạt, nâng cao năng lực cạnh tranh đối với thị trường tiêu thụ hoa trong nước và xuất khẩu.

Đến việc quản lý, sử dụng và phát triển NHCN

Để quản lý việc sử dụng và phát triển nhãn hiệu Hoa Đà Lạt, cơ quan được giao quyền quản lý nhãn hiệu đã tiến hành xây dựng *Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu Hoa Đà Lạt, Bộ tiêu chuẩn chất lượng và Bản đồ phân vùng sản*

xuất, kinh doanh của các loài hoa Cúc, Hồng, Cẩm chướng, Glay-ôn và Cát tường. Thông qua những quy định này, việc quản lý sẽ được thuận lợi hơn, người dân cũng có những cơ sở để đầu tư, phấn đấu sản xuất hoa đạt tiêu chuẩn để nâng cao giá trị sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế.

Theo đó, cơ sở sản xuất và kinh doanh NHCN Hoa Đà Lạt cần tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hình thái, mẫu mã từng loại hoa từ khâu sản xuất đến thu hoạch, sơ chế, đóng gói và vận chuyển; đảm bảo tiêu chí về địa điểm sản xuất, nguồn gốc giống, ngày thu hoạch, kích cỡ hoa, kết cấu phân bố hoa, màu sắc, hương thơm,...

Hiện nay, đã có 34 tổ chức, cá nhân chuyên trồng, sản xuất, kinh doanh hoa Địa lan và 42 đơn vị sản xuất kinh doanh hoa Hồng, Cúc, Cát tường, Cẩm chướng, Glay-ôn trên địa bàn thành phố Đà Lạt và các vùng phụ cận được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp quyền sử dụng NHCN "Hoa Đà Lạt". Một số đơn vị được cấp thí điểm quyền sử dụng NHCN còn được chính quyền địa phương hỗ trợ bao bì sản phẩm có in logo của NHCN "Hoa Đà Lạt".

Thông qua dự án giúp cho cơ quan quản lý ở địa phương điều hành quản lý và tổ chức sử dụng NHCN góp phần tăng sức cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương hiệu hoa Đà Lạt, nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Lạt nói riêng và cả tỉnh Lâm Đồng nói chung. Và càng thiết thực và ý nghĩa hơn khi Đà Lạt đang bước vào những ngày hội kỷ niệm 120 năm Đà Lạt hình thành và phát triển, Festival hoa Đà Lạt lần thứ V và năm Du lịch quốc gia Tây Nguyên.■

Điều kiện cấp và sử dụng NHCN

NHCN "Hoa Đà Lạt" được cấp cho các tổ chức, cá nhân trồng, sản xuất và kinh doanh hoa trên địa bàn Tp. Đà Lạt và vùng phụ cận đáp ứng các điều kiện sau:

- Chuyên trồng, sản xuất và kinh doanh hoa trên địa bàn Tp. Đà Lạt và vùng phụ cận.
- Tuân thủ các yêu cầu trong quá trình từ khâu trồng, sản xuất đến kinh doanh nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định.
- Có đơn đề nghị tổ chức chứng nhận xin tham gia đăng ký sử dụng NHCN.
- Được cấp Giấy chứng nhận và cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các nội dung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Hoa Đà Lạt".

Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN

- Đơn đề nghị cấp quyền sử dụng NHCN;
- Bản kê khai điều kiện sản xuất, kinh doanh;
- Bản cam kết thực hiện quy chế quản lý sử dụng NHCN và các tài liệu khác liên quan.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
các loại hoa

Xuất xứ hoa: hoa mang NHCN "Hoa Đà Lạt" phải xác định cụ thể các thông tin về doanh nghiệp, đơn vị, chủ hộ; địa chỉ; địa điểm sản xuất; giống; nguồn gốc giống sản xuất; ngày thu hoạch.

- Chất lượng hoa:*
- Ngoại quan: cành hoa thẳng, cứng cáp; không bị khuyết tật, rụng cánh, trầy xước, dập gãy; không bị côn trùng cắn phá hoặc xuất hiện các dấu vết bệnh lý (biến màu, hoen ố,...).
 - Chiều cao cành; kích cỡ và kết cấu phân bố hoa; màu sắc và hương thơm: theo đặc trưng từng giống.



Hoa Cẩm chướng

- Chiều cao cành từ 50-60 cm (đối với Cẩm chướng đơn giống Domingo, Pink Don, Orange T, Dona, Tundra, Nelson, Jamaica,...); từ 60-70 cm (đối với Cẩm chướng chùm giống Caryophy, Cartagena, Caesar, Cherry T, Sophia B, Westflam, Tia Mari,...).
- Đường kính hoa từ 6-8 cm (giống Caryophy, Cartagena, Ceasar, Cherry T, Sophia B, Westflam, Tia Mari,...); > 8 cm (giống Domingo, Pink Don, Orange T, Dona, Tundra, Nelson, Jamaica, Tahiti,...).
- Kết cấu phân bố hoa: cành hoa cẩm chướng chùm có từ 6-8 hoa trở lên. Nụ hoa hướng ra 4 phía và phân bố đều trên cành.

Hoa Hồng



- Chiều cao cành < 50 cm (giống Bridal Pink F, Marina, Frisco, Orange Mine,...); từ 50-60 cm (giống Princess Sayako, Gold Emblem, White Success, Athena,...); > 60 cm (giống Moon Shadow, Texas, Lambada, Tropicana, Sophia, Grand Masterpiece HT,...).
- Đường kính < 10 cm (giống Intrigue, Frisco, Gold Emblem, Tropicana, Mercedes, Rosie Sylvania,...); từ 10-14 cm (giống Moon Shadow, Athena, White Success, Bridal Pink, Sophia,...); > 14 cm (giống Valencia, Golden Heart, Grace Land, Texas,...).
- Kết cấu phân bố hoa: cành hoa gồm 1 nụ chính hướng thẳng lên phía trên, không có nụ phụ.



Hoa Cúc

- Chiều cao cành từ 50-55 cm (giống cúc đơn Balloon, Feeling, Golden P, Hibiki, Ping pong, Saffier, Shamrock,...); từ 60-70 cm (giống cúc chùm Biaritz, Cayenne, Chevrole, Tiger, Oscar, Brighton,...). Chiều dài cổ hoa tối đa 18 cm (trung bình 10-15 cm).
- Đường kính hoa từ 6-8 cm (cúc chùm); 8-10 cm (cúc đơn).
- Kết cấu phân bố hoa: cành có từ 6-8 hoa trở lên (đối với cúc chùm). Nụ hoa hướng ra 4 phía và phân bố đều trên cành.

Hoa Cát tường



- Chiều cao cành tùy thuộc giống, gồm 3 dạng: dài (trên 90 cm); trung bình (60-80 cm) và ngắn (40-50 cm).
- Đường kính hoa nở hoàn toàn từ 10-14 cm; đường kính nụ chính từ 2-3 cm.
- Kết cấu phân bố hoa: cành gồm 3-4 hoa trở lên, 6-8 nụ to và nhiều nụ nhỏ hướng ra 4 phía, phân bố đều trên cành.



Hoa Glay-ôn

- Chiều cao cành hoa từ 90-110 cm (giống Phấn hồng, Tím đậm, Gạch, San hô, Cá vàng, Đỏ đỏ,...); > 110 cm (giống Đỏ cẩm, Chi non, ĐL 1, ĐL 2,...).
- Đường kính trung bình của gié hoa nở hoàn toàn từ 11-14 cm.
- Kết cấu phân bố hoa: cành có từ 10-14 hoa trở lên (giống Đỏ đỏ, Đỏ cẩm, ĐL 2,... có 10-12 hoa tự/bông; giống Chi non, ĐL 1,... > 12 hoa tự/bông).

HOA LAN ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG, BƯỚC KHỞI ĐẦU MỚI

NGUYỄN VĂN TỚI

Tổng thư ký Hiệp hội hoa Đà Lạt

Đa dạng các loài hoa lan tự nhiên Đà Lạt - Lâm Đồng

Với vị trí địa lý đặc biệt - là điểm cuối của khu vực Nam Tây Nguyên, tiếp giáp với vùng đồng bằng Đông Nam bộ và Duyên hải miền Trung, Lâm Đồng được xem là nơi chứa đựng nhiều loài thực vật của quá trình diễn thế sinh thái từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông. Lâm Đồng còn là một trong số ít địa phương của cả nước có 2 vườn quốc gia - Nam Cát Tiên và Bidoup Núi Bà, với hệ sinh thái đa dạng, là sinh cảnh thuận lợi cho nhiều loài thực vật sinh trưởng và phát triển.

Hoa Lan (*Orchid*) là một trong những loài thực vật hết sức đa dạng và phong phú tại khu hệ thực vật Lâm Đồng. Kết quả điều tra cơ bản về thực vật học đã ghi nhận tại Lâm Đồng có hàng trăm loài Lan tự nhiên thuộc các chi, họ khác nhau; phân bố ở nhiều độ cao, kiểu rừng, khu vực sinh thái và khu hệ thực vật. Nhiều loài đặc hữu, quý hiếm, có giá trị cao về mặt kinh tế và khoa học đã được người trồng Lan tại Lâm Đồng - Đà Lạt sưu tập gây trồng trong điều kiện nhân tạo và phát triển mạnh từ những năm 1940.

Việc sưu tập, gây trồng các loài Lan tự nhiên trong giai đoạn này chủ yếu tập trung tại một số gia đình có điều kiện kinh tế, những người hoạt động trên lĩnh vực giáo dục, văn hóa nghệ thuật (nhíếp ảnh, thơ ca, nhạc họa,...). Với sở thích sưu tầm, nhiều người trong số họ đã sở hữu được nhiều loài Lan đặc biệt quý, hiếm, đáp ứng nhu cầu thưởng ngoạn nét đẹp tinh tế về cấu trúc, đa dạng về hình thái, quyến rũ trong mùi hương, đặc biệt ở một số loài Lan rừng,...

Phong trào gây trồng hoa Lan tại Đà Lạt - Lâm Đồng phát triển mạnh sau khi Hội hoa Lan Đà Lạt hình thành, đáp ứng mục tiêu xuất khẩu 1 triệu cành Địa lan theo *Chương trình ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy mô thực vật trong công tác nhân giống cây hoa Địa lan Cymbidium* (Chương trình LĐ05) triển khai năm 1984.

Song song với việc phát triển hoa địa lan *Cymbidium*, nhiều người trồng lan tại Đà Lạt đã đầu tư thực hiện các bộ sưu tập lan hoang dã, hình thành phong trào gây trồng Phong lan với nguồn cung ứng chủ yếu do người dân tộc bản địa khai thác tại các khu rừng tự nhiên của tỉnh.

Từ năm 1985-1995, nhiều loài lan tự nhiên được khai thác thuộc các chi *Dendrobium*



Lan *Paphiopedilum* lai tạo tại vườn lan tư nhân Tp. Đà Lạt

(Lan hoàng thảo), *Cymbidium* (Địa lan Đà Lạt), *Bulbophyllum* (Lan lọng), *Eria* (Nỉ lan), *Paphiopedilum* (Lan hài), *Coelogyne* (Lan thanh đạm), *Vanda*, *Aerides*, *Renanthera*, *Pholidota*, *Otochilus*, *Oberonia*,...

Trong giai đoạn này, một số cơ sở nuôi trồng lan tự nhiên có quy mô lớn tại Đà Lạt được hình thành như Trại nuôi cấy mô Đà Lạt - tiền thân của Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp Lâm Đồng hiện nay, tập trung chủ yếu vào việc sưu tập, chọn lọc những loài có giá trị đưa vào lai tạo, cho ra những loài Lan lai cho Đà Lạt - Lâm Đồng.

Ngoài ra, Trại nuôi cấy mô Đà Lạt cũng đã xây dựng bộ sưu tập hoa lan tự nhiên với gần 300 loài và dưới loài của vùng Đà Lạt - Lâm Đồng, nuôi trồng trong khoảng 5.000 đơn vị chậu, bằng ghép các loại. Khai thác từ bộ sưu tập này, các cán bộ khoa học của Trại nuôi cấy mô Đà Lạt đã thực hiện thành công nhiều phép lai lan tự nhiên với các con lai khác loài thuộc chi *Renanthera* và lai khác chi *Renanthera x Vanda*. Hiện nay, các con lai này vẫn đang được nuôi trồng tại Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp Lâm Đồng và nhiều vườn lan tư nhân tại Đà Lạt.

Sau năm 1995, cùng với những biến động về kinh tế, phong trào nuôi trồng lan tại Đà Lạt suy giảm nhanh chóng, nhất là lan *Cymbidium*. Việc sưu tập, nuôi trồng lan tự nhiên cũng bị lãng quên dần. Một số người trồng lan chuyển từ sưu tập sang khai thác phục vụ phát triển kinh tế, dẫn đến nhiều loài quý, hiếm của địa phương bị khai thác triệt để như lan Hài hồng *Paphiopedilum delenatii*, lan Gấm *Anoectochilus setaceus*, Mặc lan *Cymbidium ensifolium*,... và nhiều biến chủng có giá trị khác.



Long châu *Vanda Masperoe*



Bạch hỏa hoàng *Dendrobium bellatulum*



Dendrobium nobile



Thủy tiên mỡ gà *Dendrobium densifolium*



Hồng lan 88 *Cymbidium insigne*



Coelogyne cristata



Cầm báo xanh *Vandopsis parishii*



Râu mực *Thrixspermum Centipeda*



Hồ điệp mani *Phalaenopsis manii*



Huyết nhung *Renanthera imschootiana*



Gấm ngũ hồ *Cymbidium devonianum*



Lọng tím *Bulbophyllum sp*



Giả hạc *Dendrobium superbum*



Mỹ dung dạ hương *Vanda denisoniana*



Lọng cam *Bulbophyllum sp*



Thủy tiên tua *Dendrobium Harveyanum*

Bảo tồn và phát triển các loài lan tự nhiên - Bước khởi đầu mới

Để bảo tồn và phát triển các loài Lan tự nhiên của Lâm Đồng, trong thời gian qua, nhiều đề tài nghiên cứu đã được triển khai thực hiện, qua đó đánh giá lại nguồn gen quý của họ Lan (*Orchidaceae*), định hướng cho những nghiên cứu khoa học tiếp theo cũng như xây dựng các dự án nhằm khai thác các loài có giá trị thẩm mỹ và kinh tế, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường.

Mặc dù là nguồn tài nguyên quý của Lâm Đồng, nhưng đến nay, tình vẫn chưa có chiến lược và giải pháp thích hợp nhằm bảo tồn, phát triển hoa Lan tự nhiên phục vụ sự nghiệp kinh tế của địa phương nói chung và ngành hoa Đà Lạt - Lâm Đồng nói riêng. Việc khai thác không theo quy định cũng như chưa được quản lý đúng mức, nhất là các giống, loài có giá trị cao về mặt khoa học, các giống mới thông qua lai tạo,... đã làm suy kiệt nguồn tài nguyên, nhiều loài khó có khả năng phục hồi trong thời gian ngắn. Việc sưu tập lan tự nhiên cũng đang bỏ ngỏ cho các cơ quan nghiên cứu, cơ sở tư nhân tự vận động, chưa có

những định hướng cụ thể, trong khi đây là một trong những nguồn tài nguyên cần có chính sách phát triển đúng mức để có thể khai thác lợi ích như các nước trong khu vực Asean đã làm.

Hiện nay, vấn đề nuôi trồng lan tự nhiên không còn khó khăn như những năm 1990. Nhờ ứng dụng các kỹ thuật khoa học và công nghệ đã hỗ trợ nhiều cho việc trồng, chăm sóc, thực hiện các phép lai, tạo các giống mới đáp ứng thị hiếu và nhu cầu ngày càng cao của tiêu dùng.

Trong thời gian gần đây, một số người tâm huyết đã tổ chức gây trồng, sưu tập có chọn lọc; thực hiện nhiều biện pháp nuôi giữ, nhân giống, lai tạo các giống lan quý hiếm của địa phương. Nhiều loài lan thuộc chi *Paphiopedilum* đã được sưu tập, nuôi trồng và lai tạo với các con lai khá đặc biệt.

Với kết quả đạt được từ các đề tài, dự án, cùng với những thực nghiệm của địa phương, hy vọng sẽ là bước khởi đầu mới cho ngành hoa lan phát triển, tạo ra những giá trị to lớn về mặt khoa học cũng như kinh tế, góp phần xây dựng thương hiệu hoa Lan Đà Lạt - Lâm Đồng vững mạnh trong tương lai.■

Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Rừng Hoa Đà Lạt

NÂNG CAO GIÁ TRỊ SẢN PHẨM HOA ĐÀ LẠT

NGUYỄN ĐÌNH SƠN

Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty

Với tuổi đời 10 năm, Công ty cổ phần Công nghệ Sinh học Rừng Hoa Đà Lạt đã không ngừng tiếp thu, đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm góp phần nâng giá trị cho sản phẩm hoa Đà Lạt nói riêng và thương hiệu hoa Việt Nam nói chung.

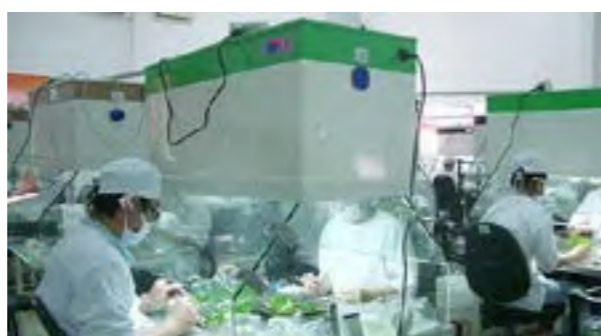
Thành lập năm 2003 với quy mô ban đầu chỉ với 40 lao động, đến nay, Công ty cổ phần Công nghệ Sinh học Rừng Hoa Đà Lạt đã tạo việc làm ổn định cho gần 500 lao động địa phương, tạo bước đột phá về doanh thu 30 tỷ/1 ha đất nông nghiệp/năm. Trong 3 năm (2010-2013), Công ty đã liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng 45%/năm.

Xác định việc ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao là định hướng phát triển lâu dài và bền vững, trong những năm qua, Công ty đã chú trọng triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất giống cây trồng; áp dụng quy trình canh tác, quản lý, thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch, chế biến và đóng gói sản phẩm; triển khai các hoạt động nghiên cứu thị trường,...

Yếu tố nguồn lực con người luôn được Công ty đặt lên hàng đầu vì chỉ có đội ngũ chuyên nghiệp, giỏi và nhiệt huyết mới tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ tốt, mang lại sự hài lòng cho khách hàng, đưa Công ty ngày càng phát triển. Hàng năm, Công ty cử đội ngũ quản lý phòng thí nghiệm sang Vương quốc Bỉ để đào tạo kỹ năng quản lý, sản xuất giống cây công nghệ cao - quy mô công nghiệp hiện đại. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng đào tạo kỹ thuật chuyên môn và nghiệp vụ chuyên sâu cho tất cả nhân viên tại các bộ phận hành chính, sản xuất và thí nghiệm.

Từ sản xuất cây giống quy mô công nghiệp

Với phương châm xem giống cây trồng là nhân tố quyết định đến sự thành công của cả quá trình sản xuất tiếp theo, Công ty đã không ngừng tiếp cận các công nghệ sản xuất cây giống trong môi trường lồng, nhân giống bằng phương pháp bioreactor và *in vitro*; kết hợp đầu tư nhà ươm chất lượng cao, đảm bảo cây giống sau ống nghiệm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.



Sản xuất cây giống quy mô công nghiệp

Với phòng nuôi cấy mô hiện đại được xây dựng trên khuôn viên 6.000 m², ngoài cung cấp cho thị trường nội địa 6 triệu cây giống sạch/năm, Công ty đã trở thành doanh nghiệp đầu tiên và lớn nhất của Việt Nam xuất khẩu các giống hoa, cây cảnh sang thị trường châu Âu, đặc biệt là Hà Lan và Bỉ - 2 Vương quốc hoa nổi tiếng với sản lượng 24 triệu cây/năm.

Công nghệ nuôi cấy mô đã được Công ty triển khai theo quy trình khép kín từ khâu nhập khẩu giống gốc của các đơn vị cung cấp uy tín, đảm bảo việc kiểm tra virus, nấm bệnh và chất lượng cây giống trước khi đưa vào nhân giống. Toàn bộ quá trình sản xuất được kiểm soát nhằm chọn lọc các cá thể đảm bảo chất lượng, sạch virus, tương đối đồng nhất về mặt di truyền,... đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Khâu đóng gói, bảo quản và vận chuyển sản phẩm tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu đều được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và thời gian giao nhận sản phẩm.

Nâng cao giá trị cho ngành hoa Đà Lạt

Bên cạnh sản xuất cây giống *in vitro* chất lượng cao, nhiều giống hoa ôn đới, bán ôn đới đã được Công ty nhập khẩu, khảo nghiệm khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất cũng như đánh giá nhu cầu thị trường trước khi đưa vào sản xuất đại trà, góp phần làm phong phú cho



Vườn ươm giống cây con

sản phẩm hoa tươi cắt cành tại Đà Lạt như cúc các màu, đồng tiền, lily, salem,... với sản lượng đạt 5 triệu cành/năm.

Để sản phẩm đến với người tiêu dùng đạt chất lượng tốt nhất, Công ty đã triển khai áp dụng nghiêm ngặt quy trình thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch. Hoa được thu hoạch đúng thời điểm và độ chín của từng loại sản phẩm sẽ chuyển sang giai đoạn sơ chế, phân loại, xử lý hóa chất bảo quản và bao gói trong bao bì đúng tiêu chuẩn. Toàn bộ sản phẩm được lưu trữ và vận chuyển trong kho lạnh, xe lạnh nhằm đảm bảo chất lượng, tạo độ bền, nâng giá trị cho hoa. Nhờ áp dụng công nghệ xử lý màu sắc, Công ty đã tạo nhiều loại cúc mới lạ, đáp ứng nhu cầu thị hiếu đa dạng của khách hàng.

Hiện nay, Công ty đang đầu tư xây dựng và lắp đặt hệ thống nhà kính trên diện tích 3.000 m² với công nghệ hiện đại của Pháp gồm các giá đỡ có thể di chuyển; hệ thống tưới, bón phân tự động theo liều lượng và thời gian định sẵn; điều chỉnh ánh sáng tự động nhờ hệ thống các màn rèm di chuyển tùy theo ánh sáng mặt trời để điều tiết nhiệt độ phù hợp với sự sinh trưởng của cây. Công nghệ hiện đại này được Công ty áp dụng để trồng thử nghiệm hoa chậu với nhiều giống mới, đa dạng về chủng loại, đón đầu thị trường sản xuất hoa chậu trong thời gian tới.

Đến sản phẩm “hoa tươi mãi mãi”

Không dừng ở thành công từ việc sản xuất cây giống *in vitro* và các sản phẩm hoa tươi cắt cành, năm 2006, Công ty đã cử cán bộ sang Nhật học tập công nghệ sản xuất hoa sấy khô để góp phần đa dạng, nâng cao giá trị và tăng độ bền cho hoa.

Sau 2 năm nghiên cứu, sản phẩm “hoa tươi mãi mãi” - còn gọi là hoa sấy khô, đã được Công ty sản xuất thành công với 1 triệu sản phẩm/năm. Công nghệ này giúp cánh hoa tươi thắm, kéo dài tuổi thọ, sắc màu và độ mềm mại từ 3-5 năm với



Showroom "Hoa tươi mãi mãi"

chủng loại phong phú, đa dạng từ các loài hoa hồng, lan, cẩm chướng, cúc, cẩm tú cầu, đồng tiền, salem, sao tím,... đến các phụ liệu đi kèm như lá rừng, dây leo, rễ cây, cành, quả,...

Giá trị của hoa sấy khô cao từ 5-10 lần so với hoa tươi cắt cành (hoa hồng tại Đà Lạt có giá khoảng 1.500 đồng/cành trong khi hoa hồng đơn sấy khô có giá 25.000 đồng/bông). Hiện nay, Công ty có khoảng 35 nghệ nhân chuyên sáng tạo tranh hoa, tranh phong cảnh, tác phẩm cắm hoa nghệ thuật, bình cầu thủy tinh, quà lưu niệm, hoa cưới, hoa trang trí, hoa chúc mừng,... Sự đón nhận của khách thường lãm và thị trường đã tạo cơ hội cho Công ty đẩy mạnh đầu tư, sản xuất theo hướng đa dạng sản phẩm, góp phần bảo tồn một số nghề truyền thống như cưa lọng, chạm bút lửa, gỗ lũa,... Công ty cũng đã mạnh dạn “đem hoa đi đánh xứ người”, đặc biệt sản phẩm “hoa tươi bảo quản” hiện đã xuất khẩu thành công sang Nhật Bản - thị trường được xem là “khó tính”.

Khu trưng bày các sản phẩm hoa tươi bảo quản nghệ thuật, chậu hoa, cây cảnh và hàng trăm loài hoa khác quy mô 2.000 m² do Công ty sản xuất đã trở thành điểm tham quan hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước, đáp ứng nhu cầu thư giãn, thưởng ngoạn trong không gian hoa nghệ thuật và phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp.

Từ định hướng đúng đắn ban đầu là ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và kinh doanh sản phẩm hoa, trải qua 10 năm vừa xây dựng và nghiên cứu, phát triển, Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Rừng Hoa Đà Lạt đã tạo được nền móng vững chắc cho sự phát triển của mình và cũng đã gặt hái được những kết quả rất khả quan. Chắc chắn sẽ còn phát triển hơn nữa để tiếp tục thực hiện sứ mệnh của mình, góp phần xây dựng và khẳng định thương hiệu hoa Đà Lạt trên thị trường trong nước và thế giới.■

VỀ MỘT CÁCH NHÌN NHẬN ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở LÂM ĐỒNG

PGS. TS NGUYỄN MỘNG SINH

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng

Phát triển NNCNC tỉnh Lâm Đồng dưới một số góc nhìn

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, ở nước ta nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng, cụm từ “*phát triển nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC)*” được dùng khá phổ biến khi đề cập đến những thành tựu phát triển nông nghiệp hoặc hoạch định những chính sách, chủ trương, đường lối, kế hoạch cho thực thi xây dựng và phát triển nông nghiệp.

Từ năm 2004, tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ Khóa VII, Tỉnh Đảng bộ Lâm Đồng năm 2004 đã xác định “*Chương trình phát triển NNCNC*” là một trong 6 chương trình trọng tâm của tỉnh. Tháng 5/2011, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về “*Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2011-2015*” nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả và đẩy mạnh phát triển NNCNC, coi NNCNC là mục tiêu của ngành nông nghiệp địa phương.

Qua gần 9 năm triển khai, nền NNCNC ở Lâm Đồng đã phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhận định trên xuất phát từ những hiện tượng, những biểu hiện có thể quan sát được cũng như qua một vài số liệu thống kê.

Về hiện tượng, có thể thấy sự phát triển ở các nhà kính, nhà nilon (dùng chất nhựa dẻo trong làm mái lợp), hệ thống đèn chiếu sáng kích thích sinh trưởng cây trồng, áp dụng kỹ thuật tưới tiên tiến, ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô trong nhân giống cây trồng, dùng các hóa chất đặc hiệu kích thích sinh trưởng, thuốc bảo vệ thực vật,...

Theo số liệu thống kê, Lâm Đồng hiện có gần 27.000 ha đất canh tác “*ứng dụng công nghệ cao*”, chiếm khoảng 8% diện tích đất gieo trồng hàng năm của tỉnh, trong đó trên 10.000 ha đạt doanh thu từ 200 triệu đồng đến 2 tỷ đồng/ha/năm. Lâm Đồng hiện có 6.450 ha rau, hoa, chè, cá nước lạnh sản xuất trong hệ thống nhà kính, nhà lưới và áp dụng công nghệ canh tác hiện đại. Riêng tại Đà Lạt, diện tích NNCNN là 5.940 ha, trong đó có 1.450 ha nhà kính, nhà lưới.



Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Đà Lạt

Từ những kết quả đạt được trong sản xuất và ứng dụng NNCNN thời gian qua, có ý kiến nhận định rằng Lâm Đồng đã trở thành một trong những địa phương đi đầu cả nước về ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; và rằng Lâm Đồng đã có những bước phát triển vượt bậc “*rất ngoạn mục*” về NNCNC!

Tuy nhiên, để đánh giá đúng thực chất những thành tựu đạt được, góp phần hình dung những vấn đề cần lưu ý trong phát triển nông nghiệp tỉnh nhà thời gian tới, thiết nghĩ sẽ rất hữu ích nếu hệ thống hóa lại các giai đoạn phát triển nông nghiệp nói chung.

Tiếp cận các giai đoạn phát triển NNCNC

Thông qua tiến trình phát triển nông nghiệp trong quá khứ và hình dung sự phát triển này trong tương lai, có thể nhận dạng 4 giai đoạn phát triển nông nghiệp với các tên gọi sau:

1. Nông nghiệp truyền thống
2. Nông nghiệp công nghiệp hóa
3. Nông nghiệp công nghệ cao
4. Nông nghiệp sinh thái hoặc nông nghiệp bền vững

Đặc trưng chủ yếu của nền nông nghiệp truyền thống là dựa vào điều kiện tự nhiên kết hợp với lao động chân tay và kinh nghiệm được tích lũy qua thực tiễn. Ông cha chúng ta đã tóm lược, đúc kết những đặc trưng chủ yếu này chỉ với 4 từ: “*nước, phân, cày, giống*”.

Cơ sở của “*nước*” là nước thiên nhiên, nước mặt (nước mưa, nước ao hồ, sông, suối) với tính

chất là nước ngọt, sạch. “*Phân*” là các loại phân chuồng, về thực chất là phân hữu cơ. “*Cày*” là cày cù, chăm chỉ lao động, bên cạnh đó là sự hỗ trợ của súc vật kéo (trâu, bò, ngựa,...). “*Giống*” cơ bản là các giống truyền thống, kết quả của sự chọn lọc tự nhiên và được duy trì, phát triển thông qua kinh nghiệm.

Nhược điểm lớn nhất của nền nông nghiệp truyền thống là năng suất lao động thấp, hiệu quả đầu tư, sử dụng tư liệu sản xuất,... không cao.

Nhược điểm này được khắc phục bởi việc cơ khí hóa nông nghiệp, tức là sử dụng máy móc, thiết bị cơ khí để thực hiện các khâu trong quy trình sản xuất nông nghiệp như làm đất, gieo trồng, chăm bón, thu hoạch,... Thông qua đó đã góp phần nâng cao năng suất, giảm đáng kể sự tiêu hao sức lao động, gia tăng lợi nhuận và giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích canh tác.

Với việc cơ khí hóa nông nghiệp, các chuỗi tham gia tạo ra sản phẩm từ khâu trồng trọt đến khâu thu hoạch, chế biến, tiêu thụ cũng sẽ có những đặc trưng giống như chuỗi sản xuất các sản phẩm công nghiệp.

Một đặc điểm lớn có thể thấy trong nền nông nghiệp công nghiệp hóa là khuynh hướng chuyển hóa, biến những người nông dân thành công nhân nông nghiệp. Người lao động mới chỉ biết sử dụng thành thạo các kỹ thuật nông nghiệp ở mức độ cơ khí hóa hoặc tự động hóa, chưa tham gia trực tiếp vào phát triển, sáng tạo kỹ thuật, sáng tạo công nghệ.

Ngoài những hiệu quả to lớn mang lại, có thể quan sát và nhận biết một số hệ quả không mong muốn của một số cách thức tiến hành việc cơ khí hóa, công nghiệp hóa sản xuất nông nghiệp. Đó là sự can thiệp, tác động mạnh mẽ đến các hệ sinh thái và môi trường đất, dẫn đến nguy cơ phá vỡ cân bằng sinh thái, gây ô nhiễm môi trường, làm giảm đáng kể diện tích rừng tự nhiên; sử dụng nhiều hợp chất hóa học (phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích sinh trưởng, chất bảo quản sau thu hoạch,...); khai thác, sử dụng và tiêu hao đáng kể nguồn nước mặt, nước ngầm.

Trong khi nền nông nghiệp thực hiện các bước đi cơ khí hóa, tự động hóa và cố gắng công nghiệp hóa ở mức tối đa thì nền khoa học kỹ thuật của thế giới cũng có những bước tiến khổng lồ với sự ra đời của nhiều bộ môn, chuyên ngành, đặc biệt trong các lĩnh vực có sự phối hợp hoặc giao thoa với nông nghiệp như lý nông (nông nghiệp vật lý học), hóa nông (nông nghiệp

hóa học), sinh nông (nông nghiệp sinh học), nông hóa thổ nhưỡng, sinh nông phóng xạ, thủy nông, thủy canh,... Hàng loạt những phương pháp kỹ thuật, công nghệ mới được nghiên cứu thành công và đưa vào áp dụng đại trà trong nông nghiệp như kỹ thuật nuôi cấy tế bào động, thực vật; kỹ thuật kích thích sinh trưởng và đột biến bằng phóng xạ, công nghệ biến đổi gen; công nghệ vi sinh, công nghệ cảm ứng,... đánh dấu một nấc thang phát triển mới của nông nghiệp, đó là “*nền NNCNC*”.

Như vậy, có thể cho rằng, nền NNCNC là hình thái biểu hiện của nền nông nghiệp công nghệ hóa hoặc nền nông nghiệp được công nghiệp hóa ở mức độ cao và sâu rộng, sử dụng đồng bộ các yếu tố phối hợp, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Một trong những đặc điểm khá quan trọng và dễ nhận biết khi so sánh với các nền nông nghiệp trước đó là thành phần và tính chất của nguồn nhân lực đã thay đổi đáng kể. Những người trực tiếp làm NNCNC không chỉ là nông dân theo cách hiểu truyền thống mà còn có công nhân nông nghiệp, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp và cả những nhà khoa học nông nghiệp. Bản thân người nông dân - lực lượng sản xuất nông nghiệp chủ yếu, cũng không còn là nông dân thuần túy, mà họ còn là công nhân nông nghiệp, là người hoạt động khoa học kỹ thuật. Như vậy, trong nền sản xuất NNCNC thể hiện sự kết hợp hài hòa, khăng khít giữa lao động chân tay và trí óc. Chính sự kết hợp này đã sản sinh ra các “*kỹ sư chân đất*”, “*nhà khoa học chân đất*” với những sáng tạo kỹ thuật, công nghệ có giá trị lớn làm cho chính những kỹ sư được đào tạo một cách cơ bản hoặc những nhà khoa học uyên bác cũng phải ngạc nhiên và thán phục!

Tuy nhiên, bản thân của nền NNCNC cũng chưa hướng đến việc khắc phục hoặc giải quyết triệt để những tác động bất lợi đến môi trường tự nhiên, môi trường sống của con người. Đó là chưa nói đến những sai lầm, thiếu sót mang tính chủ quan, phiến diện trong việc xây dựng và tiến hành nền NNCNC theo kiểu phong trào, đại trà, thiếu những tính toán làm căn cứ và định hướng quy hoạch hợp lý. Điều này sẽ dẫn đến những hậu quả, di chứng, tác hại mà đôi khi chỉ có thể quan sát, nhận biết sau thời gian dài.

“*Xuất phát từ cách tiếp cận có tính logic và hệ thống cũng như trên cơ sở phân tích biện chứng thì quan điểm dễ nhận được sự đồng tình hiện nay là phải xây dựng và phát triển một nền nông nghiệp bền vững - nền nông nghiệp chú ý đúng*

(Xem tiếp trang 31)

DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG LIÊN KẾT, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

TRẦN MINH CHÂU

Phòng Quản lý công nghệ - Sở hữu trí tuệ

Từ ngày 12-15/11, tại thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã diễn ra Chợ Công nghệ và Thiết bị vùng Nam Trung bộ và Tây Nguyên năm 2013 (Techmart Đắk Nông 2013) do Bộ KH&CN phối hợp với UBND Tp. Hồ Chí Minh và UBND tỉnh Đắk Nông đồng tổ chức, với chủ đề “Liên kết cùng hội nhập và phát triển bền vững”.

Tham dự Techmart Đắk Nông 2013, tỉnh Lâm Đồng đã có 17 đơn vị, doanh nghiệp tham gia, gồm Sở KH&CN Lâm Đồng; Cơ sở Nghiên cứu, ứng dụng máy nông nghiệp Hồng Chương; Cơ sở Cơ khí Cừu Công; Trung tâm Phân tích và Chứng nhận Chất lượng; Công ty TNHH Hà Linh; Cơ sở sản xuất cà phê Long Triều; Công ty TNHH dịch vụ Khoa học Kỹ thuật Khoa Đăng; Công ty TNHH Cơ khí nông nghiệp Thanh Trì; Ban quản lý Khu Công nghệ sinh học và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt; Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật Cây công nghiệp và Cây ăn quả; Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Anh Đào; Công ty TNHH Cao Lâm; Công ty TNHH Rượu Linh chi Trường Phát; Công ty TNHH Ưu Sinh học; Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ; Cơ sở Huỳnh Trung Quân và Công ty Ngọc Yến Minh.

Nhiều máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp đã được các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng giới thiệu, thu hút sự quan tâm và đặt hàng của đông đảo khách tham quan như máy gieo hạt; máy gieo hạt chân không; máy gieo mạ khay; máy rửa cà rốt, khoai lang; máy đóng bầu đất; máy xay đất mùn; máy đóng chậu tự động; máy cuốn cỏ cầm tay; cối xay cà phê,... Bên cạnh đó, nhiều quy trình, công nghệ, giải pháp đã được các đơn vị, trung tâm nghiên cứu của tỉnh giới thiệu và chuyển giao như: giải pháp trồng rau sạch đô thị công nghệ cao; quy trình sản xuất cây giống bơ ghép, cà phê ghép, sầu riêng ghép, chè cành; quy trình nuôi cấy mô tế bào thực vật các giống hoa địa lan, phong lan, cúc, salem, cẩm chướng, dâu tây, chuối Laba, phúc bồn tử; quy trình ương, nhân giống rau, hoa sau ống nghiệm; quy trình trồng, chăm sóc các loại hoa địa lan, phong lan, cúc, hồng,... theo hướng công nghiệp; quy trình thu hoạch,



Bộ KH&CN tặng bằng khen cho các tập thể tham gia tích cực tại Techmart Đắk Nông 2013

Techmart Đắk Nông 2013 là nơi để các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, tập thể và cá nhân giới thiệu, quảng bá, chào bán, tìm mua các công nghệ, thiết bị và sản phẩm thuộc nhiều lĩnh vực như cơ khí - chế tạo máy, nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm, điện - điện tử - tự động hóa, công nghệ thông tin - viễn thông, xử lý môi trường, vật liệu - hóa chất,... Techmart Đắk Nông 2013 đã thu hút 334 gian hàng tham gia trưng bày, giới thiệu và chào bán hơn 1.000 công nghệ, thiết bị, sản phẩm của 243 đơn vị thuộc các viện nghiên cứu, trung tâm, trường đại học, doanh nghiệp và cá nhân tại 27 tỉnh, thành trong cả nước.

Techmart Đắk Nông 2013 đã có 1.337 hợp đồng, bản ghi nhớ được ký kết cùng hàng trăm giao dịch mua bán công nghệ, thiết bị và sản phẩm, với tổng giá trị là 156 tỷ đồng.

bảo quản, đóng gói sản phẩm rau, hoa; quy trình trồng rau an toàn; quy trình sản xuất giống nấm ăn, nấm dược liệu thương phẩm. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng đã giới thiệu nhiều sản phẩm đặc sản của địa phương như trà Olong, cà phê, các sản phẩm rượu, mứt, siro chế biến từ cây phúc bồn tử,...

Bộ KH&CN đã tặng bằng khen cho Sở KH&CN Lâm Đồng vì đã có nhiều đóng góp tích cực cho sự thành công của Techmart Đắk Nông 2013.■

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2013

(Theo Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 05/6/2013
và Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu
1	Tuyên truyền và quảng bá nhãn hiệu “Cà phê Di Linh”	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Di Linh	Nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với nhãn hiệu chứng nhận (NHCN); Quảng bá và nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm cà phê Di Linh trên phạm vi cả nước; Tiếp tục cấp quyền sử dụng NHCN “Cà phê Di Linh” cho các cơ sở, doanh nghiệp đủ điều kiện.
2	Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) năm 2013	Phòng Quản lý Công nghệ và SHTT	Phát triển tài sản trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân sản xuất - kinh doanh các ngành hàng thế mạnh; tài sản trí tuệ mang tính cộng đồng cho các sản phẩm đặc trưng của địa phương; Tăng cường nâng cao nhận thức về SHTT.
3	Cải tiến hệ thống thiết bị máy nghiền, máy sàng sử dụng điện dạng cố định sang động cơ nổ dạng di động tại Nhà máy Phân bón hữu cơ vi sinh	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền Lâm Đồng	Tăng năng suất hệ thống thiết bị từ 5 tấn/giờ lên 12 tấn/giờ; Giảm tối đa chi phí trung chuyển; Giảm thời gian lưu nguyên liệu ngoài sân bãi; Xử lý nhanh nguyên liệu thô nhập về bãi tập kết; Nâng cao hiệu quả quá trình ủ vi sinh.
4	Hoàn thiện quy trình bảo quản, chế biến Đang sâm (Codonopsis) sau thu hoạch	Công ty TNHH Cao Lâm	Tạo ra các sản phẩm Đang sâm dễ bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ; đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và dược phẩm.
5	Mở rộng dự án ứng dụng điện năng lượng mặt trời cho phân hiệu Trường Tiểu học Đạ Mpô thuộc Trường Tiểu học Đạ Rsal, huyện Đam Rông	Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN	Cung cấp nguồn điện năng lượng mặt trời phục vụ hoạt động học tập, sinh hoạt cho giáo viên, học sinh tại phân hiệu Trường Tiểu học Đạ Mpô thuộc Trường Tiểu học Đạ Rsal, huyện Đam Rông.
6	Bổ sung kinh phí đăng ký NHCN “Rau Đà Lạt”, “Trà B’Lao” ra nước ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Tra cứu, đánh giá khả năng bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa tại nước ngoài.
7	Xây dựng Cổng thông tin một cửa điện tử Lâm Đồng	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng Cổng thông tin một cửa điện tử nhằm kết xuất dữ liệu, thông tin từ máy chủ của hệ thống một cửa điện tử tại phường 1, UBND Tp. Đà Lạt, thị trấn Liên Nghĩa - huyện Đức Trọng lên mạng internet, góp phần nâng cao khả năng quản lý, điều hành; tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp theo dõi, giám sát hồ sơ qua môi trường internet.
8	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Techmart	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia Techmart.

NGHIÊN CỨU GIÁM ĐỊNH CÁC THỂ LAI GIỮA BÒ NHÀ VÀ BÒ TÓT Ở VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH - VÙNG RỪNG GIÁP RANH LÂM ĐỒNG - NINH THUẬN - KHÁNH HÒA

TRẦN QUẾ, PHẠM VĂN DUY, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt
NGUYỄN CÔNG VÂN, LÊ KIM HÙNG, Sở KH&CN Ninh Thuận
HUYỀN KỲ HẠNH, Sở KH&CN Khánh Hòa
LÊ TIẾN THẮNG, LÊ XUÂN THÁM, Sở KH&CN Lâm Đồng

I. Khái lược về bò tốt hoang dã ở Việt Nam

Bò tốt (*Bos gaurus*) là loài thú cỡ lớn thuộc họ Trâu bò (*Bovidae*), thân dài 2,5-3 m, trọng lượng 900-1.000 kg, đặc biệt một số con đực các vùng Đông Nam Á có thể nặng 1.500-2.000 kg. Đầu to; trán dẹt hơi lõm và có đốm lông trắng, đỉnh trán giữa 2 sừng đồ cao. Sừng to, cân đối, uốn cong tạo vòng cung hình bán nguyệt và hướng về phía trước; gốc sừng màu vàng xám; mút sừng nhọn, đen bóng. Lốp da ở cổ và trước ngực không tạo thành yếm. Bộ lông ngắn, mềm mượt, có màu nâu thẫm hoặc đen xám; hơi phớt xanh bóng ở lưng; lông bụng dài, màu nâu nhạt; đuôi dài màu đen. Con cái thường có màu hung đỏ, móng đen, 4 chân từ khoeo trở xuống màu trắng bần.

Thức ăn của bò tốt chủ yếu là cỏ, mầm lá non, lau sậy, chuối rừng, măng, tre, nứa. Bò tốt thường sinh sản vào tháng 6, 7; thời gian mang thai 270-280 ngày; đẻ 1 con/năm. Bò tốt thường sống tại rừng già thường xanh, rừng khộp, rừng hỗn giao tre nứa, rừng thứ sinh địa hình tương đối bằng ở độ cao 500-1.500 m so với mặt biển (Concry, 1989).

Ở nước ta, bò tốt phân bố ở các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai và Bình Phước với số lượng khá lớn. Do hiện tượng săn bắn và tình trạng phá rừng bừa bãi, vùng phân bố của bò tốt bị chia cắt mạnh, sống thành đàn 5-10 con (có đàn 20-30 con), đôi khi cũng gặp những cá thể đơn lẻ lẫn với đàn bò rừng (*Bos banteng*). Hiện nay, vùng Tây Nguyên còn khoảng dưới 300 con, các vùng khác còn những quần thể nhỏ dưới 10 con. Theo Sách đỏ Việt Nam, bò tốt và bò rừng được phân hạng vào nhóm nguy cấp E (*Endangered*).

Hiện tượng bò tốt xâm nhập sống cùng bò nhà ở các vùng rừng tiếp giáp nương rẫy canh

tác của bà con đôi khi xảy ra. Tuy nhiên, chỉ có trường hợp bò tốt đực tách đàn về sống với bò nhà ở Vườn Quốc gia Phước Bình, tỉnh Ninh Thuận (từ năm 2009) là có giao phối tự nhiên và sinh sản 12 con bê nghi vấn là lai (F1). Đây là hiện tượng hiếm gặp, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn lớn. Thể lai giữa bò nhà với bò tốt hoặc bò rừng có thể gia tăng và cải thiện tính chống chịu với bệnh tật, thời tiết, cho hình thể hướng năng suất thịt cao. Việc sử dụng những ưu thế về nguồn gen quý hiếm trong tự nhiên của bò tốt lai tạo với các giống bò khác có ý nghĩa quan trọng đối với ngành chăn nuôi đại gia súc. Tại một số nước đang triển khai lai bò nhà với bò rừng (*Bos javanicus* = *Bos banteng*, Nijman et al., 2003), lai bò nhà với bò Yak (*Bos grunniensis*, Tumennasan et al., 1997), với bò Bizon (*Bos bison* = *B. bonasus*, Basrur & Moon, 1969),... Gần đây nhất là công trình nghiên cứu lai bò tốt và chọn lọc các cá thể lai ưu thế hướng thịt và hướng sữa ở Malaysia (Bongso et al., 1988, Dindot, 2003, Mamat-Hamidi et al., 2012, 2009). Tại Việt Nam, Viện Chăn nuôi quốc gia mới nhập từ Thái Lan 2 cá thể bò tốt lai để nghiên cứu ứng dụng cho bò lai hướng thịt. Do đó, việc nghiên cứu giám định đàn bê nghi lai F1 - thực chất là lai khác loài ở Phước Bình, đánh dấu quan trọng cho việc chuẩn bị kế hoạch lai tạo và chọn lọc tiếp theo.

So sánh bộ nhiễm sắc thể (NST) với bò nhà thì bò tốt không có các cặp NST tương ứng số 28 và 29; các cặp số 1 và 2 dạng tâm lệch; 23 cặp NST thân còn lại dạng tâm mút; và cặp NST giới tính.

Quan hệ chủng loại phát sinh giữa bò nhà và bò hoang dã rất gần gũi nhau, với ít nhất 3 loài bò hoang dã vốn có ở Việt Nam và vùng Đông Nam Á. Trong đó, loài bò xám (*Bos sauveli*) rất đặc sắc, được cho là không còn gặp ở Việt Nam và Campuchia từ năm 2004, đang được tìm kiếm (Dowling & Secor, 1997; Hassanin & Ropiquet, 2004; Hassanin et al., 2013; Ropiquet et al., 2008).



Hình 1. Karyotype bò tốt đực *Bos gaurus hubbacki* Malaysia (a) - tương đồng với bò tốt đực ở Phước Bình, Việt Nam (b) (Mamat-Hamidi, I. Idris and M. Hilmi, 2009; Concry, 1989; Wurster & Benirshke, 1969)

II. Nghiên cứu phân tích bộ NST

Đây là những giám định sơ khởi kiểm tra bộ NST và so sánh giữa bò cái nhà và các cá thể nghi lai với bò tốt đực hoang dã.

1. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

Lấy mẫu: lấy máu ngoại vi cá thể bò nhà và bò lai F1 tại Vườn Quốc gia Phước Bình, tỉnh Ninh Thuận. Mẫu máu được bảo quản chống đông trong Heparin và giữ ở 4°C.

Nuôi cấy tế bào: tiến hành dựa trên quy trình nuôi cấy của IAEA với các nghiệm thức thay đổi nhiệt độ, Phytohemaglutinine (PHA), huyết thanh (FCS) và thời gian nuôi cấy (thực hiện 8 nghiệm thức/mẫu; tổng cộng 40 nghiệm thức nuôi cấy). Các tổ hợp cho mỗi mẫu như sau:

Môi trường RPMI 1640	PHA	FCS	Nhiệt độ	Thời gian
10 ml	150 µl	1.000 µl	37°C	48h
10 ml	150 µl	1.000 µl	37°C	72h
10 ml	200 µl	1.000 µl	37°C	48h
10 ml	200 µl	1.000 µl	37°C	72h
10 ml	150 µl	1.000 µl	37,5°C	48h
10 ml	150 µl	1.000 µl	37,5°C	72h
10 ml	200 µl	1.000 µl	37,5°C	48h
10 ml	200 µl	1.000 µl	37,5°C	72h

Làm tiêu bản hiển vi: theo phương pháp đo liều sinh học của IAEA.

Đánh giá hiệu quả nuôi cấy:

$$\text{Chỉ số mitose (MI)} = \frac{\text{Số metaphase}}{\text{Số metaphase + nhân lympho}} \times 100\%$$

Xác định metaphase và phân tích karyotype:

xác định trật tự sắp xếp của các cặp tương đồng theo chỉ số độ dài tương đối; sắp xếp trật tự karyotype theo kích thước tương đối từ dài đến ngắn; xác định hình thái các cặp NST.

2. Kết quả nghiên cứu

Đánh giá biểu hiện hình thái sinh lý bê nghi lai

Năm 2009, người dân quanh vùng Vườn Quốc gia Phước Bình, tỉnh Ninh Thuận cho biết những con bê nghi lai đầu tiên ra đời. Các quan sát theo dõi được triển khai từ năm 2012 và ghi nhận khoảng 12 con có biểu hiện vóc dáng khá lớn, vượt trội so với bê nhà (lai Sind ít nhiều); không có u vai (đặc điểm khá nổi bật ở bò lai Sind); có đường gờ lông thô dày, yếm cổ khác với bò nhà; lông có màu hung, xám, nâu và sẫm dần khi lớn; sừng thẳng vượt nhọn. Chúng rất khỏe, nhanh nhẹn nhưng nhát, ít gần người như bò nhà. Đáng lưu ý là những con bê đực nghi lai mặc dù chỉ nuôi thả rông, ăn cỏ tự nhiên quanh rẫy trồng ngô, đậu, rau,... nhưng vóc dáng lớn với trọng lượng > 250 kg (bò nhà tơ tại khu vực này chỉ đạt 160-200 kg), trưởng thành (phát dục) sớm hơn con cái (2,5-3 năm chưa động dục).

Phân tích karyotype và đặc điểm của bộ NST các cá thể

Kết quả kiểm tra các cá thể nghi lai có bộ NST 2n = 58, cho thấy chúng là con lai thực sự giữa bò tốt và bò nhà. Tuy nhiên, còn 7-8 cá thể nghi lai vẫn chưa có kết quả giám định, chúng có thể là con lai, song bộ NST 2n có thể đa tạp 57, 58, 59 hoặc 60 như các tác giả ở Malaysia từng phát hiện (Mamat-Hamidi et al., 2012, 2009). Kakampuy et al. (2007) phát hiện hiện tượng chuyển vị Robertson đặc biệt ở bò tốt đực Thái Lan, có 57 NST (con cái vẫn là 56),



Hình 2. Bê cái và bê đực nghi lai giữa bò tót đực và bò nhà (khoảng 7-8 tháng tuổi) ở Vườn Quốc gia Phước Bình

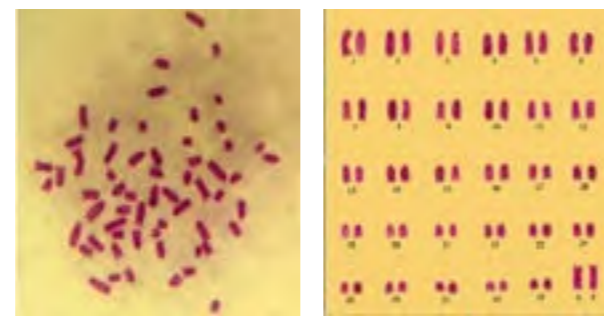
trong đó, cặp NST số 1 có một chiếc bị khuyết vai ngắn và xuất hiện NST số 29 đơn lẻ, rất tương đồng với trường hợp bê lai bò tót tại Việt Nam (Bảng 1).

Đối tượng	2n	NST thường		NST giới tính	
		Tâm lệch	Tâm mút	X	Y
Con cái (bò nhà)	60	-	58	2 (tâm lệch)	-
Con cái lai	58	2	54	2 (tâm lệch)	-
Con đực lai	58	2	54	1 (tâm lệch)	1 (tâm lệch)

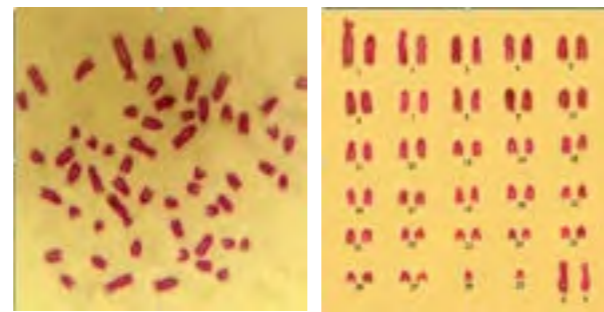
Bảng 1. Đặc điểm bộ NST các đối tượng

Cũng theo các tác giả và Chaves et al. (2003), đây là kết quả của chuyển vị Robertson trong tiến hóa karyotype của bò tót, bò rừng, bò Kouprey và bò nhà (từ 2n=56 thành 2n=60) - trong tiến trình lai tự nhiên và do con người thuần hóa, lai tạo và chọn lọc, mà có tác giả cho rằng đã diễn ra vào Plio-Pleistocene (Hassanin & Ropiquet, 2004, Ropiquet et al., 2008). Trong đó, các tác giả hầu như thống nhất cho rằng quá trình phân hóa loài thời kỳ này vẫn có sự giao hòa lai tạp tự nhiên giữa chúng. Tuy nhiên, theo chủng loại phát sinh các nhóm này, các tác giả cho rằng nhóm phân hóa ra bò nhà tách ly từ nhóm tổ tiên xưa chung với bò tót, bò rừng và bò xám (Kouprey - *Bos sauveli*), có lẽ chưa thật hợp lý. Chúng tôi cho rằng, thực tế bò nhà do người thời cổ đại (khoảng 50.000 năm về trước) săn bắt, thuần hóa từ các nhóm bò hoang dã. Họ thường bắt bê non về nuôi dưỡng, chăn thả trong các trang trại cổ sơ, cho lai tạp tự nhiên, chọn lọc và hình thành dần bò nhà.

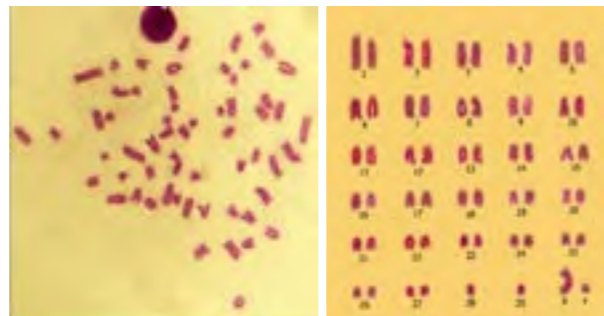
Trong số con lai đã xác định 2n=58, đáng chú ý là các cặp NST số 1 và 2 có bất thường: một



Hình 3. Bộ NST và Karyotype của cá thể cái bò nhà, 2n = 60



Hình 4. Bộ NST và Karyotype của cá thể bò cái lai, 2n = 58



Hình 5. Bộ NST và Karyotype của cá thể bò đực lai, 2n = 58

trong các cặp có NST bị mất (khuyết) vai ngắn. Chúng trở thành các cặp lẻ, không cân bằng. Ở bò nhà, chúng đều khuyết vai ngắn, do đó cân bằng. Trong khi ở bò tót, cả hai cặp đều có vai ngắn, do vậy cân bằng. Các cặp NST số 28 và

29 đơn lẻ (khuyết NST tương đồng - *unpaired*), tạo nên sự lệch bội. Do đó, chưa rõ khả năng sinh sản, tái tổ hợp phân ly, ghép cặp và tái sắp xếp ở đời sau như thế nào nếu lai tiếp các con lai. Chúng có thể vô sinh hay hữu thụ cho khả năng sinh sản tiếp tục? Các nghiên cứu ở vùng Đông Nam Á cho thấy các tổ hợp khá đa tạp, và có trường hợp cân bằng với 2n=60.

Đây là những vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải nghiên cứu sâu hơn và khả năng phân ly đa tạp cho chọn lọc nhiều triển vọng lai tạo giống mới.

Đáng chú ý là quá trình chuyển vị các đoạn NST trên cặp số 1 và 2 của bò tót (là các cặp có tâm lệch) đã được nêu ra, chứng minh bằng kỹ thuật bản đồ FISH và nhuộm Band đặc hiệu cho thấy sự hiện diện rõ ràng trong bộ NST bò nhà, lý giải quá trình tiến hóa từ bộ 2n=56 thành bộ 2n=60 (Chaves et al., 2003, DiMeo et al., 2006, Mamat-Hamidi et al., 2012).

III. Kết luận

Từ kết quả phân tích bộ NST ở các con bê nghi lai và bò nhà, chúng tôi rút ra kết luận sau:

- Bộ NST 2n ở các cá thể đực và cái nghi lai đã kiểm tra đều là 58, có biểu hiện như là kết quả trung bình của bò tót (2n=56) lai bò nhà (2n=60).

- Hiện tượng khuyết vai ngắn ở các cặp NST số 1 và 2 và các cặp số 28, 29 đơn lẻ ở bò lai là những biểu hiện phức tạp của chuyển vị Robertson, có những hệ quả rất đa tạp nếu tiến hành lai tạo tiếp tục giữa các con lai và lai với những giống bò mới. Các phân tích biểu hiện trong karyotype cho thấy có sự tái cấu trúc và sắp xếp trong bộ gen và bộ NST bò tót 2n=56, chuyển hóa các vai ngắn của các cặp số 1 và 2, hình thành bộ NST 2n=60 của bò nhà trong tiến trình thuần hóa, lai tạp.

- Cần tiếp tục khảo cứu các cá thể nghi lai còn lại và những bê con nghi lai được sinh ra để có kết quả đầy đủ về cấu trúc bộ NST. Những kết quả bước đầu cho thấy quần thể bò lai giữa bò tót (*Bos gaurus*) và bò nhà (*Bos taurus*) ở Vườn Quốc gia Phước Bình, vùng rừng giáp ranh Lâm Đồng - Ninh Thuận - Khánh Hòa rất quý hiếm, có ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn trong lai tạo, chọn lọc giống bò lai cao cấp ở Việt Nam; cần phối hợp nghiên cứu sâu hơn để bảo tồn và khai thác phát triển nguồn gen đại gia súc.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Basrur PK, Moon YS (1967): *Chromosomes of cattle, bison, and their hybrid, the cattalo*. Am J Vet Res. 28 (126): 1319-1325.

2. Bongso TA, Hilmi M, Sopian M, Zulkifli S (1988) *Chromosomes of Gaur cross domestic cattle hybrids*. Res Vet Sci. 44 (2): 251-254.

3. Chaves, R., F. Adegá, J. S. Heslop-Harrison, H. Guedes-Pinto, J. Wienberg (2003): *Complex satellite DNA reshuffling in the polymorphic t(1;29) Robertsonian translocation and evolutionarily derived chromosomes in cattle*. J Chromosome Res., vol. 11, no. 7: 641-648.

4. Concry P (1989): *Gaur Bos gaurus and development in Malaysia*. J Biol Conserv, vol. 49, no. 1: 47-65.

5. Di Meo, G. P., A. Perucatti, R. Chaves, F. Adegá, L. De Lorenzi, L. Molteni, A. De Giovanni, D. Incarnato, H. Guedes-Pinto, A. Eggen, L. Iannuzzi (2006): *Cattle rob (1;29) originating from complex chromosome rearrangements as revealed by both banding and FISH-mapping techniques*. J Chromosome Res., vol. 14, no. 6: 649-655.

6. Dindot SV (2003): *The development of a bovine interspecies model for the analysis of genomic imprinting in normal and nuclear transfer derived fetuses*. Ph.D Thesis. Texas Univ.

7. Hassanin, A., A. Ropiquet (2004): *Molecular phylogeny of the tribe Bovini (Bovidae, Bovinae) and the taxonomic status of the Kouprey, Bos sauveli Urbain 1937*. J Mol Phylogenet Ecol, vol. 33, no. 3: 896-907.

8. Kakampuy W, Tanomtong A, Chaveerach A, Sangpakme W (2007): *New Robertsonian translocation chromosomes in captive Thai Gaur (Bos gaurus readei)*. Pakistan J Biol Sci 10 (13): 2185-2191.

9. Mamat-Hamidi K., I. Idris, M. Hilmi (2009): *Karyotype of Malayan Gaur (Bos gaurus hubbacki), Sahiwal-Friesian Cattle and Gaur x Cattle Hybrid Backcrosses*. Pakistan J Biol Sci, vol. 12, no. 12: 896-901.

10. Mamat-Hamidi, K., M. Hilmi, I. Idris, D. Di Bernardino, L. Iannuzzi (2012): *Chromosome evolution of the Malayan gaur (Bos gaurus hubbacki)*. J Caryologia, vol., no.: 1-6.

11. Nijman, I J, M Otsen, E L C Verkaar, C de Ruijter, E Hanekamp, J W Ochieng, S Shamshad, J E O Rege, O Hanotte, M W Barwegen, T Sulawati, J A Lenstra (2003): *Hybridization of banteng (Bos javanicus) and zebu (Bos indicus) revealed by mitochondrial DNA, satellite DNA, AFLP and microsatellites*. J Heredity, vol. 90, no. 1: 10-16.

12. Ropiquet, A, M Gerbault-Seureau, JL. Deuve, C. Gilbert, E. Pagacova, N. Chai, J. Rubes, A Hassanin (2008): *Chromosome evolution in the subtribe Bovina (Mammalia, Bovidae): The karyotype of the Cambodian banteng (Bos javanicus birmanicus) suggests that Robertsonian translocations are related to interspecific hybridization*. J Chromosome Res., vol. 16, no. 8: 1107-1118.

13. Tumennasan, Kh., Ts. Tuyá, Y. Hotta, H. Takase, R. M. Speed, A. C. Chandley (1997): *Fertility investigations in the F1 hybrid and backcross progeny of cattle (Bos taurus) and yak (B. grunniens) in Mongolia*. J Cytogenetic and Genome Res., vol. 78, no. 1: 69-73.

14. Wurster, D. H. and K. Benirschke (1968): *Chromosome studies in the superfamily Bovoidea*. J Chromosoma, vol. 25, no. 2: 152-171.

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2014

(Theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Đơn vị thực hiện
1	Nghiên cứu các giải pháp phòng trừ tổng hợp bệnh thối rễ, vàng lá cà phê ở Lâm Đồng	Xây dựng thành công các giải pháp phòng trừ bệnh thối rễ, vàng lá có hiệu quả cho cây cà phê ở vườn tái canh và vườn đang khai thác.	Tuyển chọn
2	Chọn lọc, di thực, bình tuyển và thử nghiệm trồng một số giống bơ có năng suất và chất lượng tốt tại tỉnh Lâm Đồng	Chọn tạo, bình tuyển một số giống bơ có chất lượng và sản lượng trái tốt nhằm đưa cây bơ thành cây mang lại hiệu quả kinh tế cao ở Lâm Đồng; chú trọng đến các giống bơ trái vụ.	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật Cây công nghiệp và Cây ăn quả Lâm Đồng
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2010-2020	Ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin trực tuyến phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2010-2020.	Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới
4	Ứng dụng quá trình lên men malolactic để nâng cao chất lượng vang đỏ Đà Lạt	Tuyển chọn một số chủng vi khuẩn lên men malolactic thích hợp cho vang đỏ Đà Lạt. Xây dựng quy trình lên men malolactic để nâng cao chất lượng vang đỏ Đà Lạt (giảm độ chua, tăng độ ổn định và tăng giá trị cảm quan) ở quy mô sản xuất thử nghiệm 1.000 lít/mẻ.	Tuyển chọn
5	Đánh giá tình hình, xây dựng phần mềm dự báo và đề xuất giải pháp giảm thiểu thiệt hại do hạn hán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đánh giá thực trạng, các nguyên nhân và dự báo, quản lý, giám sát tình hình hạn hán, cạn kiệt xây trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đề xuất các giải pháp công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu thiệt hại do hạn hán gây ra.	Trung tâm Khí tượng Thủy văn tỉnh Lâm Đồng
6	Nghiên cứu nguồn gốc, khả năng xâm nhiễm của Asen (As) trong nước ở một số vùng của tỉnh Lâm Đồng	Xác định nguồn gốc, hàm lượng và khả năng xâm nhiễm của As trong môi trường nước tại một số khu vực của tỉnh Lâm Đồng. Xây dựng mô hình xử lý As theo các mức hàm lượng khác nhau. Đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động của As trong môi trường nước tại một số khu vực của tỉnh.	Tuyển chọn

7	Đo lường chất lượng dịch vụ y tế các bệnh viện tuyến tỉnh của Lâm Đồng để nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân	Đo lường chất lượng dịch vụ và xây dựng biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh Lâm Đồng.	Tuyển chọn
8	Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ học Cát Tiên - Lâm Đồng	Nghiên cứu giá trị lịch sử - văn hóa của di tích, từ đó đề ra các giải pháp kỹ thuật bảo tồn di tích và phục chế, số hóa, tái hiện một số lễ hội phục vụ công tác nghiên cứu, giáo dục và phát triển du lịch. Định hướng các giải pháp phát huy giá trị di tích giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. HCM
9	Nâng cao hiệu quả việc phòng ngừa, điều trị và phục hồi đối với người nghiện ma túy thông qua sự phát huy nguồn lực cộng đồng	Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác cai nghiện cho người nghiện ma túy tại tỉnh Lâm Đồng; Cơ sở lý luận của mô hình phòng ngừa, điều trị và phục hồi cho người nghiện ma túy dựa vào cộng đồng; Những kinh nghiệm của khu vực và quốc tế trong áp dụng mô hình này; Vai trò nguồn lực cộng đồng trong việc nâng cao hiệu quả phòng ngừa, cai nghiện và phục hồi đối với người nghiện, trong đó nhấn mạnh đến sự tái hòa nhập xã hội sau cai nghiện. Các giải pháp phát huy nguồn lực cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, cai nghiện và phục hồi đối với người nghiện ma túy, đặc biệt đối với giới trẻ tỉnh Lâm Đồng. Triển khai thực nghiệm một số giải pháp đề xuất và đánh giá kết quả.	Tuyển chọn
10	Tác động của di dân tự phát đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các cộng đồng bản địa tỉnh Lâm Đồng	Thực trạng di dân tự phát ở tỉnh Lâm Đồng; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự di dân tự phát ở tỉnh Lâm Đồng; Tác động của di dân tự phát đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các cộng đồng bản địa tỉnh Lâm Đồng. Các kiến nghị về mặt chính sách nhằm giảm tác động tiêu cực về mặt kinh tế - xã hội gây ra bởi sự di dân tự phát.	Tuyển chọn
11	Nghiên cứu, đánh giá và phát huy sản phẩm du lịch đặc thù nhằm thu hút khách đến Đà Lạt - Lâm Đồng	Phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù để thu hút khách du lịch đến Đà Lạt - Lâm Đồng, đặc biệt là khách quốc tế. Xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch sản phẩm du lịch đặc thù theo loại hình du lịch. Đề xuất các giải pháp khả thi về phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch (kể cả sản phẩm xuất khẩu tại chỗ), phát triển nhân lực, liên kết và quảng bá nhằm tăng cường thu hút khách đến Đà Lạt - Lâm Đồng, đặc biệt là khách quốc tế.	Tuyển chọn

TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÝ IV

Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình KH&CN tỉnh

Ngày 29/10, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 2170/QĐ-UBND về việc *Kiến toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình KH&CN của tỉnh giai đoạn 2011-2020.*

Theo quyết định, ông Đoàn Văn Việt, Phó chủ tịch phụ trách văn xã - Trường ban, ông Lê Xuân Thám, Giám đốc Sở KH&CN - Phó trưởng ban và 11 thành viên đại diện cho các sở, ban, ngành như Sở Y tế, Giáo dục và đào tạo, Nông nghiệp và PTNT, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư,...

Ban chỉ đạo có nhiệm vụ tư vấn cho UBND tỉnh điều hành, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các Chương trình KH&CN trên địa bàn tỉnh và tiến hành thành lập các tiểu ban triển khai nhiệm vụ theo quy định.

Tại Quy hoạch KH&CN năm 2010 đã đề ra 12 Chương trình KH&CN trọng điểm giai đoạn 2011-2020 gồm: Chương trình KHCN phục vụ du lịch nghỉ dưỡng; Chương trình KHCN phục vụ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; Chương trình KHCN phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; Chương trình KHCN phục vụ phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh (chè, cà phê, cá nước lạnh, bò sữa, rau và hoa, dâu tây, cây dược liệu,...) phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu; Chương trình nghiên cứu triển khai, đổi mới công nghệ; Chương trình quản lý chất lượng và sở hữu trí tuệ; Chương trình ứng dụng các thành tựu KHCN trong điều tra cơ bản, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; Chương trình nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và khoa học quản lý; Chương trình KHCN phục vụ giáo dục đào tạo; Chương trình KHCN phục vụ y tế và chăm sóc sức khỏe; Chương trình phát triển thị trường KHCN; Chương trình phát triển nguồn nhân lực KHCN.

31 giải pháp được trao giải Sáng tạo kỹ thuật và Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng

Ngày 26/10, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Lâm Đồng phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức tổng kết và trao giải Hội thi Sáng tạo kỹ thuật lần thứ VI và Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Lâm Đồng lần thứ IX.

Sau 2 năm phát động, Ban tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật lần thứ VI đã nhận được 40 giải pháp của 90 tác giả thuộc các lĩnh vực: công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, cơ khí tự động hóa, xây dựng, giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp, giáo dục và đào tạo, kỹ thuật hạt nhân,... Sau 1 năm phát động, Cuộc thi Sáng tạo thanh

thiếu niên, nhi đồng lần thứ IX cũng đã nhận được 38 giải pháp của 58 tác giả đến từ các trường học trên địa bàn toàn tỉnh thuộc các lĩnh vực: đồ dùng dành cho học tập và đồ chơi trẻ em, phần mềm tin học, sản phẩm thân thiện với môi trường, các dụng cụ sinh hoạt gia đình, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế,...

14 giải pháp Hội thi Sáng tạo kỹ thuật đã được trao giải gồm 2 giải nhì, 4 giải ba và 8 giải khuyến khích. Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng có 17 giải pháp được trao giải gồm 1 giải nhất, 1 giải nhì, 3 giải ba và 12 giải khuyến khích.

Ban tổ chức đã chọn 5 giải pháp tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ XII và 2 giải pháp tham dự Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng toàn quốc lần thứ IX tổ chức tại Hà Nội.

Tiếp cận phương pháp quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9004:2011

Từ ngày 16-18/10, Chi cục TC-ĐL-CL phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật TC-ĐL-CL 3 tổ chức tập huấn "Quản lý tổ chức để thành công bền vững - Phương pháp quản lý tiếp cận quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9004:2011" cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Các học viên tham dự đã được giới thiệu các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9004:2011 nhằm cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; các phương pháp hoạch định chất lượng, xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện; cách phổ biến và truyền đạt đến cán bộ nhân viên trong tổ chức; cách tiếp cận quá trình - cải tiến quá trình dựa trên việc đo lường mục tiêu; hướng dẫn đo lường, phân tích và cải tiến - các công cụ để cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.

Qua lớp tập huấn, các doanh nghiệp đã nắm được những nguyên tắc, công cụ thực hành hệ thống quản lý chất lượng, phân tích điều kiện của doanh nghiệp để ứng dụng vào thực tiễn nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

Triển khai đề án Bảo tàng thiên nhiên Tây Nguyên tại Lâm Đồng

Ngày 11/12/2012, UBND tỉnh có công văn số 6948/UBND-NN về việc lập dự án đầu tư Bảo tàng thiên nhiên Tây Nguyên tại tỉnh Lâm Đồng thuộc hệ thống Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam theo Quyết định số 86/2006/QĐ-TTg ngày 20/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó thống nhất chủ trương và giao Sở KH&CN chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan lập dự án đầu tư xây dựng.

Sau 1 năm triển khai, ngày 25/11, Sở KH&CN đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý của các chuyên

gia và các sở, ngành để hoàn thiện đề án trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

Theo quy hoạch hệ thống bảo tàng thiên nhiên của Chính phủ, dự án xây dựng Bảo tàng Thiên nhiên Tây Nguyên tỉnh Lâm Đồng sẽ được đầu tư xây dựng trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020, hướng đến đưa hệ thống bảo tàng thiên nhiên vào hoạt động hoàn chỉnh về cơ cấu; hiện đại về kỹ thuật, khoa học, hiệu quả và phong phú về nội dung hoạt động; phục vụ tốt nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, tham quan, học tập, phổ biến kiến thức về quá trình phát triển lịch sử tự nhiên ở Lâm Đồng và khu vực Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Tin nghiệm thu đề tài/dự án KH&CN

* Sở KH&CN vừa tổ chức nghiệm thu dự án "Xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số xã Đồng Nai Thượng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng" do Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ chủ trì thực hiện.

Sau 24 tháng triển khai, dự án đã chuyển giao thành công các quy trình kỹ thuật và xây dựng 6 mô hình cho các hộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số gồm: mô hình thâm canh lúa nước quy mô 2 ha/2 năm, năng suất đạt 48,07 tạ/ha/vụ; mô hình trồng ca cao dưới tán điều quy mô 4 ha/2 năm, năng suất 9,4 tạ/ha; mô hình trồng và chăm sóc cà phê ghép quy mô 4 ha/2 năm; mô hình cải tạo vườn điều cũ 7 ha/2 năm, năng suất 14,77 tạ/ha/vụ; mô hình trồng cao su tiểu điền 3 ha/2 năm; mô hình nuôi heo địa phương quy mô 50 con/2 năm, năng suất thịt bình quân 32,14 kg/con.

Dự án đã tổ chức tập huấn đào tạo 20 kỹ thuật viên là người địa phương và hướng dẫn 480 nông dân khác thực hiện các quy trình kỹ thuật. Kết quả của dự án được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xếp loại Khá.

* Nhằm nhân rộng các mô hình trồng, chăm sóc các loài lan rừng song song với việc lưu giữ, bảo tồn một số giống lan rừng đặc hữu, quý hiếm và có triển vọng của tỉnh, Ban quản lý Khu CNSH và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt đã chủ trì thực hiện dự án "Nhân rộng các loài lan rừng đặc hữu, quý hiếm và có triển vọng tại Lâm Đồng".

Sau 1 năm thực hiện, dự án đã xây dựng 4 mô hình trồng và chăm sóc các loài lan rừng đặc hữu, quý hiếm và có triển vọng tại Lâm Đồng với trên 800 chậu (giò), trong đó 52 loài đã được định danh, gồm 2 loài quý hiếm, 7 loài đặc hữu và 1 loài vừa đặc hữu vừa quý hiếm. Dự án đã hoàn thiện 2 quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc các loài lan rừng huộc nhóm hoa phong lan và địa lan trong điều kiện bán tự nhiên; tổ chức tập huấn và chuyển giao kỹ thuật trồng và chăm sóc các loài lan rừng cho 40 lượt người tham dự; xây dựng và in 100 bộ sưu

tập hình ảnh các loài lan rừng đặc hữu, quý hiếm và có triển vọng tại Lâm Đồng.

* Hội đồng KH&CN vừa tiến hành nghiệm thu dự án nhân rộng "Xây dựng mô hình phát triển vùng nguyên liệu chè chất lượng cao theo hướng an toàn VietGAP tại xã Xuân Trường và Trạm Hành, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng" do Ban quản lý Khu CNSH và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt thực hiện.

Sau 1 năm triển khai, dự án đã xây dựng 6 mô hình sản xuất chè Oolong, Kim Tuyên chất lượng cao theo hướng an toàn VietGAP tại địa bàn xã Xuân Trường và Trạm Hành trên diện tích 3 ha; hoàn thiện quy trình bón phân hữu cơ và vô cơ trên cây chè; tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật và hội thảo đầu bờ cho 140 lượt nông hộ trồng chè trên địa bàn; xây dựng video và in ấn 100 sổ tay về quy trình kỹ thuật thâm canh sản xuất chè theo hướng an toàn VietGAP.

Từ các mô hình triển khai của dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế đáng kể, giúp giảm chi phí đầu tư trên 26 triệu đồng/ha/năm, tăng sản lượng từ 10-34%, lợi nhuận trên 228 triệu đồng/ha/năm - tăng 63 triệu đồng/ha/năm (đối với mô hình chè Oolong); lợi nhuận đạt 227 triệu đồng/ha/năm - tăng 86 triệu đồng/ha/năm (đối với mô hình chè Kim Tuyên).

Kiểm tra tiến độ đề tài nghiên cứu khoa học hợp tác giữa Lâm Đồng và Ninh Thuận

Sau 1 năm triển khai đề tài "Nghiên cứu giám định di truyền và đánh giá khả năng phát triển của bò lai F1 giữa bò tót và bò nhà tại vùng rừng giáp ranh tỉnh Ninh Thuận và Lâm Đồng", nhóm chủ trì đã thực hiện các hạng mục theo đúng tiến độ được phê duyệt. Tính đến nay, đề tài đã mua 8 con bò lai F1 giữa bò tót và bò nhà, tiến hành giám định di truyền và NST. Kết quả giám định cho thấy đàn bò F1 là những cá thể thực thụ lai giữa bò tót và bò nhà. Nhóm thực hiện đề tài cũng đã tổ chức việc xây dựng khu vực chuồng trại và trồng cỏ, đáp ứng yêu cầu cung cấp thức ăn cho bò. Đến nay, đồng cỏ với quy mô 1 ha đang sinh trưởng và phát triển tốt; khu vực chuồng trại đã hoàn thành,... Tại Hội nghị Quốc tế về Công nghệ sinh học, sinh sản (tổ chức ở Phan Thiết tháng 8 vừa qua), việc nghiên cứu giám định các thể lai giữa bò nhà và bò tót này đã được báo cáo trước đồng hội các nhà khoa học. Những kết quả khoa học mà đề tài đưa ra đã được đánh giá là rất đặc sắc.

Đây là kết quả bước đầu nhưng có ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn lớn trong chăn nuôi, rất cần có kế hoạch nghiên cứu sâu, kịp thời nhằm bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm, góp phần tạo ra các dòng, giống bò thịt có chất lượng cao phù hợp với khí hậu và điều kiện chăn nuôi tại Việt Nam. Từ kết quả này, đề tài đã được Bộ Khoa học và Công nghệ đưa vào kế hoạch thực hiện của năm 2014 trong Chương trình Quốc gia về bảo tồn quỹ gen.■

ĐÀ LẠT - NHỮNG CON ĐƯỜNG, ẤP CŨ, PHỐ XƯA

HƯƠNG TRÂM

Nhắc đến Đà Lạt xưa, trong tâm trí của nhiều người hẳn còn nhớ về những con đường thơ mộng uốn lượn quanh các triền đồi, hồ nước; những buôn làng của người bản xứ hiền hòa, những xóm ấp của người di cư cần cù, chân chất, chịu thương chịu khó bên những mảnh vườn quanh năm hoa, trái...

Năm 1906, sau khi được chọn để xây dựng trung tâm nghỉ dưỡng, Đà Lạt đã thực sự trở thành một vùng đất mới, là nơi hội tụ cư dân của các vùng, miền trong cả nước. Cư dân người Kinh ở Đà Lạt lúc bấy giờ phần lớn là những người lao động nghèo ở miền Bắc và miền Trung di dân tự do hoặc những người đi phu phen, tập dịch rồi tự nguyện ở lại lập nghiệp. Sau những năm 1937-1938, người Pháp và chính quyền sở tại đã cho di dân từ một số địa phương miền Bắc và miền Trung như Hà Đông, Nghệ - Tĩnh vào Đà Lạt định cư và sản xuất rau, hoa. Thời gian sau, có nhiều người dân ở Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi cũng vào Đà Lạt lập nghiệp.

Những ấp đầu tiên

Những người dân xa xứ đến Đà Lạt lập nghiệp thường sống tập trung với người cùng quê, tạo thành làng, ấp. Những làng xóm nhỏ mang hơi thở của nhiều miền quê trong cả nước đã lần lượt ra đời như thế tại Đà Lạt. Có thể kể đến những đơn vị hành chính nhỏ tiêu biểu ở Đà Lạt lúc bấy giờ như: ấp Hà Đông, Ánh Sáng, Nghệ Tĩnh,...

Ấp Hà Đông được thành lập năm 1938 do sáng kiến của các quan chức triều Nguyễn thời bấy giờ.

Cư dân đầu tiên của ấp Hà Đông là những người nông dân thạo nghề làm vườn ở các làng Quảng Bá, Nghi Tàm, Tây Tựu, Ngọc Hà, Xuân Tảo, Vạn Phúc, ... thuộc tỉnh Hà Đông (cũ) đến Đà Lạt, trồng rau và lập ấp. Về sau còn có một số người Quảng Ngãi đến làm thuê và ở lại ấp lập nghiệp.

Ấp Nghệ Tĩnh do những người quê ở Nghệ An, Hà Tĩnh vào lập ấp năm 1940. Đa số người dân trong ấp là những lao động nghèo, những người yêu nước. Một số khác được người có chức sắc trong chính quyền (như ông Nguyễn Khắc Hòe) tuyển mộ ở quê đưa vào. Thời gian đầu họ làm thuê trong các công sở, chiều về vỡ đất khai hoang trồng rau rồi chuyển dần sang



Dân làng ấp Hà Đông những năm 40 của thế kỷ XX

làm vườn. Sản phẩm chủ yếu là atiso và một số loại rau ôn đới.

Ấp Ánh Sáng là nơi tụ cư của những cư dân vùng Thừa Thiên - Huế. Ban đầu chỉ có khoảng 5-6 hộ gia đình người làng Kế Môn, Phước Yên sống trong những chòi lá đơn sơ cất tạm cạnh các mảnh vườn khai hoang để trồng rau. Nhờ sự cần mẫn, chịu khó của mình, người dân đã san lấp, bồi đắp các vùng thấp, trũng để mở rộng trở thành vườn rau mới. Năm 1952, ấp Ánh Sáng chính thức được thành lập với những vườn rau ven suối và những dãy nhà được xây dựng theo quy hoạch.

Ấp Thánh Mẫu ra đời năm 1955 với khoảng 400 giáo dân Thiên chúa thuộc huyện Đức Thọ (Hà Tĩnh). Khu đất này do bà con mua lại của Sở Canh Nông để lập ấp trồng các cây lương thực như: khoai, bắp sau đó chuyển sang trồng rau.

Đến những năm 1950-1960, Đà Lạt trở nên đông đúc với nhiều ấp mới ra đời như: Đa Phú, Tùng Lâm, Đa Thành, Trung Bắc, Nam Thiên, Xuân An, Sĩ JEAN, Tân Lạc, Đa Thiện, Cô Giang, Hồng Lạc, Đa Lợi, Thái Phiên, Tây Hồ và khu Lam Sơn, Chi Lăng, Trại Mát,...

Đường phố xưa

Qua thời gian, cùng với những biến cố thăng trầm của lịch sử, tên các con đường ở Đà Lạt xưa

đã có nhiều sự thay đổi. Dưới đây là tên đường phố Đà Lạt ngày nay và tên khác trước đây:

Place du Marché - khu Hòa Bình; Maréchal Foch - Ba Tháng Hai; Lamartine - Bà huyện Thanh Quan; Cầu Queo - Phan Đình Phùng; Đồng Khánh - Nguyễn Chí Thanh; Pétrus Ký - Nam Kỳ Khởi Nghĩa; Minh Mạng - Trương Công Định; Gia Long - Lê Đại Hành; Milice - Lê Thị Hồng Gấm; Lò Gạch - Hoàng Diệu; Thouard - Bùi Thị Xuân; Khải Định - Nguyễn Văn Cừ; Annam - Nguyễn Văn Trỗi; France - Lý Tự Trọng; Leclerc - Trần Quốc Toản; Duc de Long Mỹ - Thủ Khoa Huân; Helgouach - Đoàn Thị Điểm; Pasteur - Hai Bà Trưng; Van Vollenhoven - Phan Bội Châu; Pierre Pasquier - Hồ Tùng Mậu; Adran - Hà Huy Tập; Hospital - Hải Thượng; Cunhac - Bà Triệu; Long - Hồ Tùng Mậu; Darles - Triệu Việt Vương; Paul Doumer - Trần Hưng Đạo; Albert Sarraut - Yersin; Ankroet - Ankroet ; Auger - Yagout; Babey - Nguyễn Du; Cassaigne - Mai Hắc Đế; Basse du Cam Ly - Phạm Ngũ Lão; Yersin - Trần

Phú; Lacaze - Nguyễn Thái Học; Bourgerie - Trần Quang Diệu; Calmette - Thi Sách và Ngô Quyền; Canivey - Lê Lai; Carrières - Đào Duy Từ; Roume - Lê Hồng Phong; Missions - Nhà Chung; Cassaigne - Trần Bình Trọng; De Lattre de Tassigny - Khởi Nghĩa Bắc Sơn; Fernand Millet - Dã Tượng; Rue des Roses - Huỳnh Thúc Kháng; Rue de la Gare - Nguyễn Trãi; Rue des Glaieuls - Nguyễn Viết Xuân; Graffeuil - Hùng Vương; Hà Văn Kỳ - Ký Con; Henry Maitre - Yên Kiêu; René Robin - Quang Trung và Phan Chu Trinh; Rue des Jardins - La Sơn Phu Tử; Jean O'Neill - Hoàng Văn Thụ; Leson Garnier - Phạm Hồng Thái; Louat de Boart - Cô Giang và Phó Đức Chính; Mossard - Hàn Thuyên; Nhà Làng - Nguyễn Biểu; Cité des Pics - Vạn Kiếp; Prens cũ - Khe Sanh; Robelin - Lê Thánh Tôn; Robinson - Huyền Trân Công Chúa; Champoudry - Pasteur; Pages - Tô Hiến Thành; Saigonnais - Yên Thế; Dốc Trại Hàm - Hoàng Hoa Thám; Saint Benoit - Chi Lăng; Prens - Ba Tháng Tư. ■

VỀ MỘT CÁCH NHÌN NHẬN ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 19)

mức cân bằng sinh thái trong tất cả các khâu sản xuất, có khả năng thỏa mãn những lợi ích lâu dài của nhiều thế hệ sinh sống trên trái đất hiện nay cũng như mai sau. Nền nông nghiệp sinh thái chắc chắn sẽ là nấc phát triển cao hơn nền NNCNC".

Do những điều kiện lịch sử nhất định cũng như hoàn cảnh thực tiễn của sự phát triển đất nước, ở nước ta nói chung và địa phương Lâm Đồng nói riêng, nền nông nghiệp không hình thành,

phát triển tuân tự theo các giai đoạn nói trên. Chúng ta đang chứng kiến sự tồn tại của một nền nông nghiệp tổ hợp, đan xen, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại gồm nông nghiệp truyền thống, nông nghiệp công nghiệp hóa và NNCNC. Nếu biết sử dụng, phát huy những lợi thế của cả 3 nền nông nghiệp trên, đồng thời khắc phục được những thiếu sót, nhược điểm của mỗi phương thức sản xuất, tất sẽ gặt hái được những thành quả to lớn và tốt đẹp hơn. ■

HỢP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài của các tác giả: Bùi Thanh Long, Lê Ngọc Chung, Nguyễn Thị Ngọc Ánh, Lê Đức Thọ, Nguyễn Thọ Biên, Nguyễn Thị Xuân Huyền, Hoàng Đình Quang, Nguyễn Văn Thanh, Lê Ngọc Chung, Lương Sơn, Nguyễn Tấn Tuấn, Nguyễn Mộng Sinh, Thái Ngọc Tuyết,...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp sử dụng vào thời gian thích hợp nhất.

Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 1/2014 tập trung vào chủ đề *Đánh giá tình hình hoạt động KH&CN trên các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2013 và định hướng hoạt động KH&CN năm 2014; vấn đề xây dựng và phát triển thương hiệu, ứng dụng hạt nhân trong phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng*,...

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các bạn.

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng - 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt

Điện thoại: 063 3833163 - Fax: 063 3556599 - Email: khcnlamdong@gmail.com

HỢP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài của các tác giả: Bùi Thanh Long, Lê Ngọc Chung, Nguyễn Thị Ngọc Ánh, Lê Đức Thọ, Nguyễn Thọ Biên, Nguyễn Thị Xuân Huyền, Hoàng Đình Quang, Nguyễn Văn Thanh, Lê Ngọc Chung, Lương Sơn, Nguyễn Tấn Tuấn, Nguyễn Mộng Sinh, Thái Ngọc Tuyết,...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp sử dụng vào thời gian thích hợp nhất.

Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 1/2014 tập trung vào chủ đề *Đánh giá tình hình hoạt động KH&CN trên các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2013 và định hướng hoạt động KH&CN năm 2014; vấn đề xây dựng và phát triển thương hiệu, ứng dụng hạt nhân trong phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng*,...

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các bạn.

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học Công nghệ
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng - 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt
Điện thoại: 063 3833163 - Fax: 063 3556599 - Email: khcnlamdong@gmail.com

NƠI NGHỈ DƯỠNG TRÊN CAO NGUYÊN LANG BIANG (KỶ CUỐI)

NGUYỄN HỮU TRANH (Lược dịch)

Từ khi chọn Lang Biang để làm nơi nghỉ dưỡng, vấn đề tìm đường lên cao nguyên này đã được nhà cầm quyền lúc bấy giờ đặt ra và bàn thảo kỹ lưỡng. Nhiều tuyến đường, nhiều phương án được đưa ra, làm sao để có được những cung đường lên cao nguyên này một cách tốt nhất, thuận tiện nhất. Chính từ những con đường này, thành phố Đà Lạt trong tương lai đã được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển.

Đường bộ

Nhiều phái đoàn đã được tổ chức để tìm đường bộ lên cao nguyên Lang Biang. Theo đường chim bay, cao nguyên này nằm cách xa các hải cảng miền Trung gần 100 km và Sài Gòn hơn 250 km.

Qua khảo sát, đường bộ lên cao nguyên Lang Biang có một nhánh chạy từ Đà Lạt đến thung lũng sông Đồng Nai. Từ Klóng (độ cao 1.000 m) có hai nhánh: một nhánh đi về hướng Djiring và Phan Thiết - Ma Lâm (ga xe lửa) và một nhánh khác đi đến Dran và Xóm Gòn (ga cuối đường xe lửa Phan Rang).

Nỗ lực đầu tiên là thiết lập con đường xe thô sơ và ô tô di chuyển được suốt cả năm từ Đà Lạt đến Ma Lâm và từ Đà Lạt đến Xóm Gòn.

Từ năm 1900, những nghiên cứu đã xác định tuyến đường này gồm một đoạn chung từ Đà Lạt đến Klóng (20 km), một nhánh từ Klóng đến Ma Lâm (137 km), một nhánh từ Klóng đến Xóm Gòn (khoảng 40 km).

Dự toán kinh phí khoảng 700.000 franc cho tuyến đường Đà Lạt - Djiring - Ma Lâm và 800.000 franc cho nhánh Klóng - Xóm Gòn. Đối với tuyến Đà Lạt - Trạm Hành, đoạn từ Trạm Hành đến thung lũng sông Đa Nhim đường rất dốc, cần đầu tư nhiều hơn.

Đường sắt

Đường sắt Phan Rang - Đà Lạt được dự kiến làm theo hướng con đường bộ đầu tiên do đại úy Thouars nghiên cứu. Dự án đường sắt được trình vào năm 1904 gồm một đoạn dài 30 km trên vùng đồng bằng (Phan Rang - Xóm Gòn) và 67 km đường miền núi đòi hỏi sức kéo đặc biệt. Kinh phí ước tính 20.500.000 francs.

Nghiên cứu đoạn đường từ Xóm Gòn lên Đà Lạt chưa được hoàn chỉnh, các chuyên viên Sở Công chánh tiếp tục nghiên cứu một con đường khác thuận lợi hơn con đường trình năm 1904.



Đường sắt và đường bộ trên đèo Dran

Theo đó, Đà Lạt được nối với đường sắt Sài Gòn - Khánh Hoà qua hai nẻo đường:

1. Từ ga Ma Lâm đến Djiring 80 km và từ Djiring lên Đà Lạt 77 km, tổng cộng là 157 km đường núi ô tô chạy được vào mùa khô (từ tháng X đến tháng V). Đây là con đường trực tiếp nhất dẫn đến Sài Gòn, Đà Lạt cách Sài Gòn 350 km trong đó 200 km đường sắt và 150 km đường bộ.

2. Từ ga Xóm Gòn đi Đà Lạt ngang qua Dran có thể sử dụng 1 trong 2 tuyến đường sau:

a. ngã Klóng: 63 km (theo tuyến Đà Lạt - Eo Gió - Đá Bàn - Xóm Gòn).

b. ngã Trạm Hành (Arbre broyé): 54 km (theo tuyến Đà Lạt - Trạm Hành - Dran - Eo Gió - Đá Bàn - Xóm Gòn).

Xây dựng hai tuyến đường từ Đà Lạt đến Xóm Gòn và Ma Lâm chắc chắn sẽ giúp cho Lang Biang phát triển.

Từ những khảo sát, thiết kế trên, mặc dù có rất nhiều khó khăn - địa hình hiểm trở, kinh phí thực hiện không được chủ động, tuy nhiên việc xây dựng đường giao thông lên cao nguyên Lang Biang cũng đã được chính quyền ngày đó quyết tâm thực hiện, đáp ứng nhu cầu cấp bách lúc bấy giờ là thành lập nơi nghỉ dưỡng cho người Pháp ở tại vùng Đông Dương. ■

Chương trình

TUẦN VĂN HÓA DU LỊCH ĐÀ LẠT 2013

• Công bố Năm Du lịch quốc gia 2014 - Tây Nguyên - Đà Lạt

• Kỷ niệm 120 năm Đà Lạt hình thành và phát triển

• Festival Hoa Đà Lạt lần thứ V

9 CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH

- 1 Triển lãm Hoa Đà Lạt và Sinh vật cảnh**
Thời gian: từ ngày 27/12/2013 đến ngày 01/01/2014
Địa điểm: Vườn hoa thành phố Đà Lạt
- 2 Lễ khai mạc Tuần Văn hóa Du lịch Đà Lạt năm 2013**
Thời gian: 20g00 ngày 27/12/2013
Địa điểm: Quảng trường Lâm Viên - Đà Lạt
- 3 Đêm phôi Hòa Bình**
Thời gian: 19g00-24g00 từ ngày 27 đến ngày 31/12/2013
Địa điểm: Khu phố đi bộ Hòa Bình - Đà Lạt
- 4 Tọa đàm về Hoa Đà Lạt và Du lịch**
Thời gian: 14g00 ngày 28/12/2013
Địa điểm: Khách sạn Sài Gòn - Đà Lạt
- 5 Carnival Hoa Đà Lạt 2013**
Thời gian: 19g00 ngày 28/12/2013
Địa điểm: Quảng trường Lâm Viên - Đà Lạt
- 6 Triển lãm giới thiệu Tour du lịch Tây Nguyên - Đà Lạt 2014**
Thời gian: 8g30 ngày 28/12/2013
Địa điểm: Khu du lịch Ga Đà Lạt
- 7 Đêm nghệ thuật Tây Nguyên**
Thời gian: 20g00 ngày 29/12/2013
Địa điểm: Quảng trường Lâm Viên - Đà Lạt
- 8 Đêm hội Đà Lạt 120 năm**
Thời gian: 20g00 ngày 30/12/2013
Địa điểm: Quảng trường Lâm Viên - Đà Lạt
- 9 Đêm hội tụ sắc hoa Đà Lạt - Bê mạc Tuần Văn hóa Du lịch Đà Lạt 2013**
Thời gian: 20g00 ngày 31/12/2013
Địa điểm: Quảng trường Lâm Viên - Đà Lạt



Một số hình ảnh về
ĐÀ LẠT

